

Thư tòa soạn

(Chim Việt Vành Nam số 22 ngày 12-02-2006)



Nội dung số này có gì ? ...

Bước qua năm mới, ít ai nói chuyện " chó ", nhưng năm mới lại là năm Bính Tuất nên chẳng thể dừng .

Nguyễn Dư mở đầu câu chuyện với "[Chó thật, chó đá, chó rom](#)" .

Số phận con chó bằng xương bằng thịt thì ai cũng đã biết. Thật đáng thương. Ăn thì bữa đói bữa no. Làm thì chẳng từ chuyện gì. (...)

Thế mà còn bị... chụp mũ. Mất mạng như chơi.

(...) Mình là chó, lúc cần mình thì nó tôn mình lên. Hết cần thì nó cho một chày là xong. Đừng tưởng bỏ. Mình gặp thời, nó mời mình ăn. Không ăn đĩa khác cũng đớp mất. Uống của trời. Chi bằng cứ bài bản " vừa có tình, vừa có lý " cho xong chuyện.

Với Đông phương , " Chó là một súc vật tầm thường, nhiều khi bị liệt vào loài quá hạ đẳng " , chẳng thêm quan tâm, mà đến khi nghĩ tới nhiều khi lại cũng chẳng tốt lành gì cho số mạng chú chó .

Nhưng tại Tây Phương vị trí cô chó, chú chó cũng có khác .

Tỉnh Montargis - Pháp, vào thế kỷ thứ 14, một chú chó đã tố cáo kẻ ám hại chủ nó . Nhà vua cho phép chú chó và kẻ bị cáo ra " tranh cãi ", so tài , " xét xử theo án Trời " (jugement de Dieu), và kẻ sát nhân đã phải thú tội.

Gần đây, năm 2003, Một "cô chó " bị nhà chức trách Pháp kết tội " tử hình ". Cô chó được luật sư đại diện trước tòa, và luật sư sau đó đã đệ đơn lên tổng thống Chirac xin " ân xá ". Mời bạn cùng Tâm Minh Ngô tằng giao, "*Nhân dịp Năm Tuất (...) thử liếc qua một vòng xem Pháp Luật và Chó có mối... "giao hảo" như thế nào!"* ([Pháp luật và ... chó](#))



Nguyễn Quốc Bảo nhân "[Năm chó ... nói chuyện ăn thịt chó](#)" nêu rõ quan điểm khác biệt giữa Tây với ta về thực chất của con chó :

(...) gần đây tổ chức đá bóng FIFA a đua với tổ chức bảo vệ động vật ép buộc Triều Tiên ra lệnh cấm ăn thịt chó trong dịp giải World Cup (2002), cũng như trước đây, dịp thể vận hội tại Hán thành 1988, các tiệm mọc tồn cũng phải tạm thời đóng cửa hoặc di cư tị nạn về đồng quê.

Nguyễn Quý Đại, qua bài "[Chó Tây và Ta](#)" cho ta biết các loài chó Tây, Ta được nuôi nâng dạy dỗ ra sao,(...) với những "chó Cảnh sát hay chó biên phòng "German Shepherd/ Deutscher Schäferhund" " giúp Cảnh sát truy tìm ma túy, vũ khí và tội phạm" , chó để chăn cừu, chó đi săn, chó trận, chó chạy đua ...

Tuy nhiên, Bước qua năm Bính Tuất, nếu có nói về chuyện chó thì chẳng qua cũng chỉ vì thói quen hay bàn về các con vật biểu tượng của mỗi năm.

Một thông lệ thứ hai nữa là nhìn lại những tập tục ngày Tết. Có những tập tục, như " trồng cây nêu " ,đang trên đà mai một và những tập tục vẫn sống mãi với con người Việt, dù còn tại xứ hay đã tỏa ra khắp năm châu .



'Trồng Nêu - Lo Tết

Nguyễn Đồng Chi kể lại [Sự tích Cây Nêu ngày Tết](#) và [Gốc tích bánh chưng và bánh dày](#) :

- " To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, của quý báu nhất trần gian không gì bằng gạo. Ta đừng làm nhiều, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ.

Hãy nhặt hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi một ít đậu ". Tự nhiên Liêu thấy thân lùn lướt lấy ra những tàu lá rộng và xanh. Thân vừa gói vừa giảng giải:- " Bánh này tượng đất. Đất có cây cỏ đồng ruộng núi rừng thì màu phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú, cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đổ lên cho dẻo giã ra làm thứ bánh tượng trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời..."

Nguyễn Quốc Bảo nhân dịp [Ăn Tết](#) , nói về cái Ăn của người Việt ta

" Quân tử mưu đạo bất mưu thực.
Người quân tử mưu đạo không mưu ăn,
Đó là sách Luận ngữ chép chuyện Vệ Linh Công, thế nhưng người xứ ta nô nức lại nói ngược Có thực mới vực được đạo ! Thật là đạo thánh hiền sao bì được với lý lẽ dân gian, chúng tớ Ăn sáng, Ăn trưa, Ăn tối, mà cũng Ăn...Tết luôn."

và Thịnh Quang cũng nhân dịp [Tết nhất bàn về Tuế Thời Lịch Pháp](#)

Cứ vào Tuế Thời Lịch Pháp thời Hán Vũ Đế đã lập ra lịch Thái Sơ . Lúc bấy giờ gọi là Hạ Lịch. Một năm gồm có 12 Tiết lấy tháng Giêng làm tháng đầu năm, gọi là Nguyên Đán ...

Cứ vào Địa Thiên Thái Dịch Kinh thì "Tháng Giêng" chính là thời thanh bình, bốn phương yên ổn, khí trời mát mẻ, lộc mới đơm cành, trăm hoa đua nở v. v. Ấy đó là khí tiết của mùa Xuân, trên có Khôn, dưới có Càn, nghe ra có phần đảo ngược, bởi Khôn là Đất, Càn là Trời, bảo thế há chẳng lẽ là Đất trên, Trời dưới hay sao?! Ấy thế mà không,...

Tại quê nhà, dân ta ăn Tết ra sao ?

Trước hết, chúng ta về Sài Gòn, theo Lan Anh và Vân Anh đi một vòng chợ Tết qua phóng sự "[Tôi đi chợ Tết](#)"

*" Nghe lời chị bạn ở cùng khu chung cư, tôi quyết định "vượt cầu Sài Gòn" ra Metro An Phú để mua hàng tết giá sỉ. Xòe tấm thẻ thành viên để "qua trạm", chưa kịp định thần mình sẽ "khởi hành" về khu vực hàng hóa nào trước, tôi đã ngỡ ngàng vì thấy cả đoàn vài chục người chen nhau ở một cổng nhỏ. Chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra thì tất cả ào ào lao lên giành lấy những chiếc... xe đẩy.
Không khí náo nhiệt hệt như ở những khu vực bán hàng sale. ... "*

Chợ Tết Hà Nội cũng không kém phần hào hứng : [Hà Nội đã rộn ràng chợ hoa Tết](#)

*" Ông Táo chưa về Trời, nhưng chợ hoa Tết trên đường Âu Cơ (Tây Hồ - Hà Nội) đã rộn ràng mấy ngày nay. Đào đã được đưa về từ Nhật Tân, Tây Tựu; quất từ Quảng Bá, Tír Liên; mai vàng từ Sài Gòn... Tất cả cứ ngồn ngộn bên đường.
Người mua nhiều, chợ búa phát triển, đây cũng là dịp để cho Sinh viên chạy thêm ít tiền túi .*

Tại Hà Nội , "[Sinh viên vào mùa " chạy Tết "](#)

Còn 3 tuần nữa mới Tết, xóm trọ SV ở cụm 5, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, Hà Nội đã vắng tanh. Hỏi ra mới biết, cả xóm đã đi làm cả. Hầu hết "dân cư" ở đây (đang học tại Trường Trung cấp Lưu trữ văn thư) đã cặm cụi tại các cơ sở sản xuất bánh mứt kẹo Xuân Đình (Q. Tây Hồ) từ tuần trước.

Tại Sài Gòn : [Sôi động việc làm Tết cho sinh viên](#)

" Vòng quanh hầu hết các siêu thị, trung tâm mua sắm, khu vui chơi giải trí... trong những ngày này tại TPHCM, rất dễ nhận ra những tốp năm, bảy thanh niên nam nữ đứng phát quà khuyến mãi, giới thiệu sản phẩm cho khách hàng... Phần lớn họ đều là sinh viên ở tỉnh, tranh thủ những ngày cận Tết để làm thêm kiếm tiền trang trải học phí. Sinh viên... chạy sô "

Trong những ngày cuối năm , năm Tây và năm Ta, Tết của những người ngoại quốc sống tại Việt Nam cũng không kém phần quan trọng : [Đón Tết Paris giữa lòng Hà Nội](#)

" 4 năm nay, tiệc giao thừa của gia đình Rousseau (khu căn hộ May Fair, 34 Trần Phú, Hà Nội) vẫn rất Pháp, với sò điệp, cá hồi, rượu champagne. Vẫn những cuộc điện thoại, thăm viếng chúc mừng bạn

bè cả ngày mông l và du lịch xa, dưới nắng ấm phương Nam. "
(...)

và những hình ảnh :

[Tết 2003](#) - [Tết 2005 Sg](#) - [Tết 2006 Sg](#)

Mời bạn về thăm quê hương miền Nam qua tác phẩm [Hương rừng Cà Mau](#) của Sơn Nam, qua bài [Kiên Giang trong ánh mắt tôi](#) của Việt Hải . Đặc biệt , những bạn biết nấu ăn, có thể nấu thử các món Bún Cá Kiên Giang , Bún Mắm Nước Lèo hay Bún Kèn Cá .

"Kiên Giang nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Kiên Giang có những cánh đồng ruộng lúa phì nhiêu, có hải đảo và đồi núi với nguồn tài nguyên vô cùng phong phú và thật đa dạng về nông sản, hải sản, khoáng sản và du lịch."

Nét đặc thù của văn hóa xứ ta cũng là lối " [Nói lái](#) " trong ngôn ngữ , theo Hòa Đa,

"Dù vậy, nói lái vẫn là một hình thức vô cùng đặc sắc của ngôn ngữ Việt, với khả năng nhạy bén về tính trào phúng, tính châm chọc... (và chúng ta chỉ nên khai thác khía cạnh tích cực này), chúng ta tin rằng nói lái sẽ tồn tại với người Việt."

hay những tà áo dài trong y phục qua dòng suy tưởng của Hoàng Huy Giang : " [Tà áo bay bên trời quê đất khách](#) "

"chiếc áo dài là một trang phục và cũng là một sắc phục thật độc đáo vì nó mang đủ các tính chất: kín đáo, sang trọng, trữ tình, lãng mạn, thanh nhã, thướt tha, dịu dàng mà chị em phụ nữ Việt hẳn phải hãnh diện mỗi khi mặc."

Nguyễn Đắc Xuân phỏng vấn Phạm Duy : "[Nhạc sĩ Phạm Duy](#) "["Biết ái tình ở dòng sông Hương"](#)" như thế nào ?.

Trong những tháng vừa qua, dư luận việt kiều xôn xao vì một bài hát do một thanh niên thế hệ hai trình bày : " Bonjour Viet Nam " - " Việt Nam ơi " do Phạm Quỳnh Anh hát .

Kỳ thực Quỳnh Anh đã có bước đầu khởi nghiệp ca sĩ khá ấn tượng: giải nhất cuộc thi hát "Vĩnh quang" nhóm tuổi thiếu niên của Đài truyền hình Bì RTBF vào cuối tháng 9-2000 và đã ký hợp đồng biểu diễn chuyên nghiệp với Universal từ năm 2002.

Tháng ba 2005, nhạc sĩ Marc Lavoine viết bài Bonjour Vietnam dành cho cô bé có gương mặt thuần châu Á và giọng hát trong trẻo này. Tháng tư : Quỳnh Anh được chọn song ca với Marc Lavoine bài " Tôi hi vọng " nằm trong album " Giờ mùa hè " phát hành hai tháng sau đó. Tháng mười một, Quỳnh Anh bắt đầu lưu diễn cùng Marc Lavoine, bắt đầu từ thành phố quê hương của cô, Liège, rồi sau đó là Paris (Pháp).

Vườn Thơ vẫn là lời tao ngộ của các nhà thơ quen thuộc :

. Nguyễn Hồi Thủ : [Không đề](#) - [Ghi lại sau lần gặp bạn cũ](#)

. Nguyễn Thế Tài : [Con đau cuối năm](#) - [Còn lại nhau ...](#)

. Quỳnh Chi : [Lời hoa](#) - [Bốn mùa](#) - [Ngắm sao](#) - [Vô đề](#).

- [Trường tương tư \(Bạch Cư Dị\)](#)

- [Mộng thiên \(Lý Hạ\)](#)

- [Văn Lâm Gia Lý Tranh \(Tù An Trinh \)](#)

- [Đại bi bạch đầu ông \(Lưu Hy Dị\)](#)

. Tâm Minh Ngô Tằng Giao : [Con đường không theo \(Robert Frost\)](#) - [Khi ta chết nàng đừng thương đừng tiếc \(William Shakespeare\)](#) - [Bài ca mưa tháng tư \(Langston Hugues\)](#)

. Trần Thế Phong : [Mẹ ơi lòng đây theo ngày tết](#)

. Tuấn Trang : [Tình thu](#)

. Vũ Tiên Lập : [Bên kia bờ](#) - [Khách trần](#) - [Áo ảnh](#) - [Văng mắt](#) - [Ký ức](#)

. Vũ Quyên : [Đêm thành phố](#) - [Trường cũ nghiêng nhìn con dốc say](#)

. Xích Long : [Kẻ tha phương](#) - [Mùa tuyết tháng giêng...](#) - [Gửi tình đầu](#)



Truyện Ký

Tục ta có câu : "Miếng trâu là đầu câu chuyện". Ăn Trâu xưa kia là một tập tục của mọi người, nam cũng như nữ. Tục Trâu cau nay đã bớt thịnh hành, có lẽ chỉ những người ở thôn quê hay các bà đã đứng tuổi mới ăn trâu mà thôi. Võ Quang Yến, sống tại trời Tây, qua bài "[Hoa cau vườn trâu](#) ", cũng đến với Trâu cau nhưng với một cái nhìn khác, một cái nhìn khoa học, phân tích tường tận chất liệu của Trâu cau.



Cùng một nhịp điệu , Võ Kỳ Điền bàn tới "[Thảo mộc trong cổ văn Việt Nam](#)". Trong văn học, mấy ai biết rõ được tất cả những cỏ, cây hoa, lá, mình đã gặp qua một bài thơ, một bài văn ? Cây Phong như thế nào ? rồi cây Tử, cây Hoè, cây Ngô đồng, hoa Mẫu đơn , hoa Thược dược ... ?

Việt Hải giới thiệu [Chopin, phím đàn sầu rơi](#)

Quỳnh chi kể lại, những mẫu hạnh phúc nho nhỏ nơi đất khách quê người, những [Kỳ niệm về tuyết](#) , về [Ken](#) , cậu bé con người Nhật.

Xích Long hồi tưởng lại mối [Tình đầu](#) , mới biết yêu , thuở 17 - 18.

Ký ức của Võ Kỳ Điền lại trở về với một câu hỏi đơn sơ, nhưng có lẽ bao trùm mọi câu hỏi của con người [Câu hỏi kiếp người](#) : "Anh có hạnh phúc không ? "

" Khi ra tới cổng và dừng lại để chào lần nữa thì Hạnh đi sát chàng, kề tai nói trong hơi thở, tiếng mỏng nhẹ êm ái như tơ : - anh có hạnh phúc không ?

Hoàng chợt bủn rủn và đầu óc quay cuồng. Câu hỏi đơn giản như vậy mà hồi nào tới giờ chàng không nghĩ tới. Chàng có hạnh phúc hay không ? Có hay không, có hay không ? "

Văn Học Nhật Bản

Chúng ta bước vào giòng Văn học đất Phù Tang với nhịp văn dồn dập của truyện "[Melos ơi, chạy nhanh lên !](#) " (Hashire, Merosu!) , Dazai Osamu sáng tác, Văn-Lang Tôn-thất Phương dịch Việt ;

Melos giọng cương quyết: "Trở lại chứ, chắc chắn tôi sẽ trở lại! Em gái tôi đang đợi ở nhà. Tôi biết trọng lời mình hứa, xin chỉ cho tôi ba ngày! Thôi thế này, nếu không tin tôi thì ở đây có người thợ đá tên Seli là bạn ruột của tôi, xin cứ giữ anh ta. Nếu sau ba ngày



mà tôi không trở lại trước khi mặt trời lặn thì cứ đem anh ta ra thay mạng".

Vua Dyonis đắc ý cười thâm, trong đầu nảy ra một ý nghĩ tinh quái: "Chỉ khéo phịa chuyện, thả ra rồi thì đi luôn là cái chắc! Nhưng thôi cứ làm bộ như bị nó gạt, cũng vui vui! Khi kỳ hạn qua đi, có đem con tin ra giết cũng đáng kiếp thôi! Ta sẽ làm bộ buồn rầu, ra lệnh đi treo con tin, chỉ vì có người không thủ tín. Đây cũng là cơ hội cho thiên hạ thấy rõ làm chi có người thành thực ở đời này".

Nguyễn Nam Trân giới thiệu tác phẩm [Niềm tin](#) của Akutagawa Ryunosuke

Năm 1919, khi viết Bisei no Shin (Chữ tín của Vĩ sinh) mà ở đây chúng tôi dịch là Niềm Tin, lần đầu tiên, người ta chợt nhận ra Akutagawa không giết giây nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử của mình như vẫn thường làm mà để cho chính nhân vật giết giây ông.

Nhân vật Vĩ sinh đã thấy trong tác phẩm của Trang Tử cũng như trong Sử Ký Tư Mã Thiên. Vĩ sinh không ai khác hơn là anh chàng hện gái dưới chân cầu, gái không tới, thủy triều lên, anh ta vì giữ chữ tín không bỏ đi nên chết đuối. Ông Tư Mã theo thầy Khổng nên khen "Phải giữ cho được chữ tín như thế!", ông Trang mắng "Chết vì chữ tín kiểu đó là ngu!".

và

[Tỏ tình với người vợ không quen \(Asada Jirô\)](#) (1951-). Nhà bình luận Hashizume Daisaburo nhân đọc Tỏ Tình Với Người Vợ Không Quen đã xem hình ảnh trò chơi lắp hình (puzzle) nói đến trong truyện này như chủ đề của văn chương Asada, người làm công việc nhặt nhạnh và xếp lại vào khuôn những mảnh đời vỡ nát.

Phạm Vũ Thịnh giới thiệu truyện ngắn "[Buồn ngủ](#)" của Murakami Haruki "Truyện ngắn sau đây, "Nemui", ra mắt người đọc trong tạp chí "Torefuru -Trefle" khoảng 1981 - 1983, là truyện thứ 3 trong tuyển tập "Ngày Đẹp Trời Để Xem Kangaroo - Kangaruu Biyori"..

DTTM giới thiệu truyện : [Đàn bà \(Akutagawa Ryunosuke\)](#)

Nguyễn Nam Trân gửi đến bạn đọc một loạt bài giới thiệu [Văn Học Sử Nhật Bản](#)

Lịch Sử

Cho đến ngày hôm nay, sử sách xứ ta vẫn còn nhiều điểm chưa được rõ rệt, và ngay cả những việc, tưởng như đã được giải đáp vì được nhiều người đồng tình chấp nhận trong một thời gian dài, cũng chưa hẳn là hoàn toàn chắc chắn. Sự thực Lịch sử có lẽ chỉ lần lần được thể hiện qua các suy tư tìm kiếm đời này qua đời kia.

Triều đại nhà Triệu có thể được kể là một triều đại của dân Việt không ? đây là một câu hỏi Trương Thái Du đã nêu ra trong bài : [Triều Đà và nước Nam Việt trong dòng chảy lịch sử Việt Nam](#) bên cạnh [Những ưu tư trong Lễ hội hoa Đà Lạt](#)

Gần đây hơn, sách báo đầu thế kỷ ghi chép hoàng hậu thứ ba của vua Gia Long vốn là công chúa nhà Lê. Trong dân gian lại truyền khẩu "*Gái dâu có gái lạ đời, Con vua lại lấy hai đời chồng vua*". Từ đó nhiều người suy đoán ra là Công chúa Ngọc Hân, tác giả bài "Ai Tư Vãn" khóc vua Quang Trung, đã trở thành vợ của vua Gia Long. Năm 1943, bài văn tế Ngọc Hân do Phan Huy Ích soạn được công bố, chứng minh rằng bà đã chết 2 năm trước khi Phú Xuân thất thủ. Như vậy, ai vừa là con vua (Lê), vừa là vợ vua, sau lại là vợ vua Gia Long. Tác giả Hồ Văn Châm tìm giải đáp cho câu hỏi này qua bài : "[Công chúa Đông Đô, Hoàng hậu Phú Xuân, Nàng là ai ?](#)"

*Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định múa roi, đi quyền
(Ca dao)*

Bình Định là nơi xuất phát của nhà Tây Sơn, trước đây võ học dĩ nhiên phải được trân trọng. Nhưng ngày nay, truyền thống đó còn giữ được hay không ? mời bạn đọc bài "[Võ học Bình Định](#)" của Đào Đức Chương.

Với Nguyễn Quý Đại qua bài "[Văn võ Bình Định](#)", Bình Định không phải chỉ có võ, mà còn có văn, còn thú chơi "bài chòi".

Dân Tộc học - Ngữ Văn

Nguyễn Phú Phong : [Nghiên cứu về nhóm Ngôn ngữ Việt-Mường](#)

Bên cạnh tiếng Việt và những phương ngữ của nó thì tiếng Mường, ngôn ngữ gần gũi nhất, đã phơi bày ra những nét bảo lưu mà trên đại thể có thể phản ánh một trạng thái cổ của tiếng Việt. Vì thế nghiên cứu các ngôn ngữ Mường có tầm quan trọng lớn đối với việc tìm hiểu lịch sử tiếng Việt.

Trên đây tôi đã cố gắng điểm qua tình hình nghiên cứu và thu thập tư liệu về Nhóm Việt-Mường

Nghệ thuật Cải lương



Hai tiếng "Cải lương" có nghĩa là "Sửa đổi cho tốt hơn". Từ xưa ở Việt Nam không có lối diễn tuồng nào khác hơn là hát Chèo hay hát Tuồng (ở Bắc Phần) và hát bội (ở Trung và Nam Phần). Đến 1917, khi cải lương ra đời, người mình nhận thấy điệu hát này có thể tân tiến hơn điệu hát bội, nên cho đó là một việc cải thiện điệu hát xưa cho tốt hơn. Vì lẽ ấy người mình dùng hai tiếng "Cải lương" để đặt tên cho điệu hát mới mẻ này.

Lê Văn Hảo kết thúc loạt bài : Các đại vùng văn hóa và các vùng văn hóa của dân tộc Việt Nam

<u>1. Đông Bắc - Tây Bắc</u>	<u>2. Thăng Long - Hà Nội</u>	<u>3. Đông-Đoài - Nam - Bắc</u>
<u>4. Xứ Thanh * Xứ Nghệ</u>	<u>5. Xứ Huế - Thuận Hóa</u>	<u>6. Xứ Quảng và xứ Tây Sơn</u>
<u>7. Xứ Nam Trung Bộ</u>	<u>8. Xứ Chăm - người Chăm</u>	<u>9. Người Hoa / Người Khmer</u>
<u>10. Đồng Nai - Vàm Cỏ</u>	<u>11. Đồng bằng sông Cửu Long</u>	<u>12. Xứ Gia Định - Sài Gòn</u>

Văn Học, Tư tưởng

. Giáo sư Nguyễn Tiến Dũng : Vài điều suy nghĩ về Toán học Việt Nam

Rất nhiều người ở Việt Nam cho rằng nước ta có một nền toán học mạnh trên thế giới. Nếu tôi không nhầm, báo chí trong nước từng viết "Việt Nam là trung tâm toán học đứng thứ 10 thế giới", sau có đổi lại thành "đứng thứ 10 trong số các nước đang phát triển". Trên thực tế, Việt Nam có tổng cộng (tính tất cả các trường đại học và viện nghiên cứu) quăng trên 1000 cán bộ nghiên cứu giảng dạy về toán, trong đó chỉ có khoảng 300 người "tích cực nghiên cứu" (theo nghĩa là có công trình khoa học trong thời gian gần đây)

. Giáo sư Đào Hữu Dũng - Quảng cáo Truyền Hình trong Kinh tế thị trường (trọn bộ)

. Đặng Tiến : Đọc và phê bình sách : Từ Điển Văn Học

Từ Điển Văn Học Bộ Mới[1], gọi tắt là TĐVH, in đẹp trên giấy tốt, vừa được phát hành đầu năm 2005. Nói là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây hai mươi năm, thì vừa đúng vừa không đúng.

. Nguyễn Thị Chân Quỳnh : **Lỗi xưa xe ngựa** : [Chương IX - Hoan quan](#)

Sử sách của ta chỉ chép tỉ mỉ từ đời Lý, trước đó nước ta có hoạn quan hay không thì không rõ, nhưng xét ra có lẽ chế độ hoạn quan của ta bắt chước Trung quốc.

Tuy tổng số có thể lên đến 3000 người, nhưng chỉ một số ít được giữ việc chuyển đạt mệnh lệnh của vua đến các phi tần. Những người này đều có tên khắc chữ vàng trên thẻ ngọc. Mỗi khi vua muốn triệu ai thì chọn thẻ giao cho viên nội giám giữ việc ấy để đem đến treo trước cửa người cung phi được chọn. Cô này thấy hiệu bèn trang điểm rồi trút bỏ xiêm y, viên nội giám dùng một cái áo choàng rộng màu đỏ bọc lại rồi ẵm đến tận cung vua. Sau đó viên này phải ghi rõ ngày giờ vào sổ để nếu sau có sinh con trai thì đó là bằng chứng.

Trong phần các nhà văn tiền chiến, lần này xin giới thiệu :

- [Đái Đức Tuấn \(TCHYA\) : Ai hát giữa rừng khuya](#) - [Vũ Trọng Phụng \(1912 - 1939\)](#)

Chim Việt Cành Nam (*)

(*)1 - Chim Việt Cành Nam, lấy từ chuyện Chim Trĩ, do vua Việt ở phương Nam tân cống cho vua nhà Chu (Chu Thành Vương). Chim chọn cành phía Nam để làm ổ. "Việt điệu sào nam chi" (Sào là làm tổ chim) , ý nói nhớ quê hương phía Nam.

2 - Ngựa Hồ hí gió Bắc, là chuyện ngựa của rợ Hồ (Mông Cổ) dâng cho vua Hán Vũ Đế, khi gió Bắc thổi, thì hí lên "Hồ mã tê bắc phong", ý nói nhớ quê, phương bắc.

Chó thật, chó đá, chó rom

Nguyễn Dư

Chó là con vật sống rất gần gũi người. Sương khô như người.

So với chó nhiều nước thì chó Việt Nam chưa được xếp vào hạng được ăn ngon mặc đẹp. Tuy vậy, chó Việt Nam có thể hãnh diện về mặt huyết thống của mình.

Ta có ít nhất là ba giống chó. Ngoài chó thật biết gâu gâu, ta còn có chó đá trơ trơ và chó rom im thin thít... Mỗi giống một vẻ, mười phen gần vện mười.

*

Số phận con chó bằng xương bằng thịt thì ai cũng đã biết. Thật đáng thương.

Ăn thì bữa đói bữa no. Làm thì chẳng từ chuyện gì. Dọn cho thằng cu, liếm cho cái đĩa mỗi lần chúng bày ra nhà. Nào là canh trộm ban đêm, canh người lạ ban ngày.

Thế mà còn bị... chụp mũ. Mất mạng như chơi.

Một người cưỡi ngựa đi đến đầu làng kia, có con chó đang ngủ giữa đường, bỗng giật mình thức dậy, đuổi theo con ngựa, sủa cắn mãi, làm cho con ngựa sợ, chạy lồng lên.

Người cưỡi ngựa tức giận vô cùng, muốn giết ngay con chó, mới bảo rằng :

- Tao mà có súng, thì cho mày một phát là hết cấn. Nhưng mà được, tao đã có cách làm cho mày chết.

Nói xong, người kia chạy đến giữa làng, kêu to lên rằng :

- Chó dại ! Chó dại !

Những người xung quanh đấy, nghe tiếng kêu chó dại, liền vác gậy, vác xẻng ra đuổi đánh chết con chó.

Gớm thay cho lời nói của người ta, có khi giết hại được hơn là đồ binh khí !

(Quốc văn giáo khoa thư, lớp sơ đẳng, 1948)

Chó nước ta được sinh ra trên mảnh đất lắm người nhiều quán nhậu. Ngàn năm văn hiến, đậm đà truyền thống " hoa thơm bướm lượn, chó rông người thềm ".

Chó là một trong mấy cái thú ở đời. Không những thế...

Con chó nhà kia bị chủ hoá kiếp.

Xuống âm phủ, Diêm Vương gọi chó ra hỏi tội.

- Đồ chó chết kia, ai cho mi được vinh dự đến châu ta ?

Chó run sợ, meo máo kể lể :

- Tâu Diêm Vương, con ăn ở hết lòng với vợ chồng chủ con từ tấm bé. Nào trông nhà, nào dọn đồ dơ.

Thế mà con vẫn còn bị chúng nó đánh chửi, huỷ hoại cả " thú vị ". Đau quá Diêm Vương ơi.

Đời mà hết động cốn, sống âm thầm như một hoạn quan, thì còn gì là đời.

Tuần vừa qua, nhà chúng nó bỗng vui như mở hội. Nào rượu, nào mễ, riêng tôi, lạc rang, húng quế. Thân con bị bầm vằm, chia năm xẻ bảy. Tung bùng lá vông. Rửa mặn, tiết canh, dôi, gan. Nướng, xào, luộc, rim...

Diêm Vương nuốt nước miếng, cắt lời chó :

- Đừng nói nữa kéo... tao thêm. Trông mày hơ hớ như thế kia thì ai mà chả muốn " đánh " mày.

Chó bẽn lễn... toát mồ hôi lạnh.

- Mày bị giết oan, tao cho đi gác cầu Vòng. Chờ ngày bọn khốn nạn kia xuống đây, cho mày bẻ răng, xẻo lưỡi, móc mắt chúng nó.

Diêm Vương cho chó chơi trò cân phúc, cân tội ! Có tiếng xì xào " Phên này chúng mày sẽ biết... mõm ông ". Nhưng không...

- Con không biết trả thù. Con chỉ xin Diêm Vương bắt chúng nó từ nay phải tôn trọng " cầu quyền ", " thú vị ", cho đồng bào con được nhờ.

- Khá khen thay. Hôm nay ta học được bài học " Có dung người dưới mới là khuyến trên ". Từ đó, trên dương gian bắt đầu có hội bảo vệ súc vật.

Đây là chuyện dưới âm phủ. Chuyện trên trần gian cũng lâm li không kém.

Có lần tôi được nghe bố mẹ kể chuyện những năm loạn lạc.

- Làng mình được lệnh phải giết hết chó.

- Mấy con mực, con vện cứ thấy tự vệ, du kích là sữa toáng lên. Tây ngoài đồn bắt hô lính chạy vào làng lùng xét, tra hỏi. Ủy ban bắt buộc phải đối phó kịp thời...

Thế là làng xóm được một dịp đánh chén bất đắc dĩ.

Ông giáo ngà ngà say, đưa tay dụi mắt, giọng lè nhè :

Phong trần đến cả thôn quê

Tang thương đến cả trâu kia khuyến này

Chó cũng bị đẩy vào cuộc chiến. Nói chẳng ai tin.

Ngoài mấy trường hợp đặc biệt kể trên, phần đông chó Việt Nam sống cuộc sống bình thường của chó. Nghĩa là ăn, ngủ, chạy rong. Thỉnh thoảng a dua bạn bè.

Con chó đi gặp con gà trống mới chào, rồi nói :

- Tôi trông cho gặp anh một chuyện, mà hỏi một chuyện. Con chó mới hỏi : Trời phú tính cho anh hay, chó phải chơi sao! Sao lại biết canh ba, lại khi gần sáng dậy mà gáy ; ngày ngày cũng vậy.

Con gà nói :

- Cái là trời đã phú tánh hể tới chùng thì gáy. Rồi con gà mới hỏi : Còn như anh làm sao anh biết có người đi mà sửa ?

- Vốn cái tâm tôi thuộc đất : hể động đất là động tới tâm tôi, nên tôi biết.

- Mà khi anh nằm dưới đất thì làm vậy, chó như khi anh nằm trên ván, thì biết sao được mà sửa ?

- Chùng tôi ở trên ván, nghe chúng sửa, thì tôi bắt chước sửa hùa theo mà thôi.

(Trương Vĩnh Ký, Chuyện đời xưa, Sudasie tái bản, 1994)

Con chó thành thực đến độ dễ thương. Không biết nó có hùa theo bạn bè cắn càn người ta không ?

Xưa kia tục ta tin rằng chó trắng mũi đỏ là yêu khuyến, không nên nuôi. Ngược lại, nên nuôi chó đen vì giống này kị yêu ma.

" Giống chó (trắng) này tuy mang hình chó, nhưng khi chủ vắng nhà, nó nhảy lên nằm vồng đưa như người, và những đêm thanh vắng, sáng trăng sông nó sẽ đội nón, chống gậy đi trên mái nhà bằng hai chân sau như người. Nó sẽ tìm gặp những yêu ma để tỏ rõ hết mọi sự trong nhà và xui giục ma quấy rầy nhà chủ, gây bệnh hoạn làm đau ốm các người trong gia đình. Những phụ nữ hữu sinh vô dưỡng khi sinh thường lấy máu chó đen vẩy ở quanh buồng đẻ để tà ma không dám tới, nhất là để kị giặc Phạm Nhan. Theo ông Nghiêm Thâm, thì các sản phụ này phải ăn thịt và dồi chó đen và còn phải chôn ở dưới chân giường xương chó đen nữa. Phải kén chó đen tuyền mới hiệu nghiệm ".

(Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam*, tập 2, Xuân Thu tái bản, tr. 265).

Thời Xuân Thu, Phạm Lãi giúp Việt Câu Tiễn đánh bại được Ngô Phù Sai.

Câu Tiễn là người đa nghi, hay giết. Phạm Lãi đoán biết rằng những người có công giúp Câu Tiễn trong lúc khó khăn, không thể sống chung với Câu Tiễn trong thời bình.

Phạm Lãi quyết định từ quan. Trước khi rời bỏ Câu Tiễn, ông nói với xung quanh :

" *Thỏ tử cầu phanh, điều tận cung tàng* " (thỏ chết rồi thì chó bị làm thịt, chim không còn thì cung bị cất dấu).

Phạm Lãi là một nhà tiên tri. Ông còn cho chúng ta biết một điều quan trọng là người Trung quốc cũng ăn thịt chó. Rất có thể trước cả người Việt Nam.

Thế mà nhiều người cứ bô bô... tự hào bậy !

Trở lại chuyện chó nước ta.

Chó Việt Nam thông minh, có óc sáng tạo. Cứ nghe chó giải bày tâm sự với đám trâu, ngựa, dê, gà, lợn thì đủ hiểu :

(...)

Khi sống thì gìn giữ của đời
Khi thác xuống giữ cầu âm giới
Người có phước muông đưa ra khỏi
Ai vô nhon, qua chẳng đặng đâu
Chủ có lòng suy trước , xét sau
Khi lâm tử, gạo tiền tổng táng
Chủ đã có công dày, ngãi rộng
Muông dễ không tiếp rước đãi đưa (...)
(Truyện *Lục súc tranh công*)

Thật khó tin ! Chó chết được chủ lo gạo tiền, tổng táng. Nước ta có chủ nào tử tế với chó đến mức như vậy không ?

Có chứ ! Có nhiều lắm. Nhưng tại sao chó lại được đối đãi như vậy ? Tại vì...

Thành ngữ "Tiền cột cổ chó" được Huỳnh Tịnh Của (*Đại Nam quốc âm tự vị*) giải nghĩa là : "Ngu tặc hiểu con chó chết rồi, hồn nó xuống giữ cầu âm giải, cho nên phải cột tiền hồi lộ mà tống táng, hoá ngày sau nó đã không cần mà lại đưa mình qua cầu âm ti".

Chu choa, chềng đéc ơi !

Phải công nhận rằng chó Việt Nam đáng nể hơn chó các nước khác.

Chủ kia chắc là ăn ở cũng khá lem nhem, sợ bị Diêm Vương chiếu cố. Hấn lo móc nối ngay từ bây giờ, sửa soạn phong bì đi hồi lộ cai tù tương lai của âm phủ. Gặp được con chó ngoan, biết điều. Mình là chó, lúc cần mình thì nó tôn mình lên. Hết cần thì nó cho một chày là xong. Đừng tưởng bở. Mình gặp thời, nó mời mình ăn. Không ăn đĩa khác cũng đớp mất. Uống của trời. Chi bằng cứ bài bản "vừa có tình, vừa có lí" cho xong chuyện.

Tiếc rằng dư luận lâu nay cứ chĩa mũi dùi vào mấy ông, mấy bà đầy tớ vênh váo kia! Nhầm đối tượng rồi, bà con ơi. Ôn ào mà chả đi đến đâu. "Chó sữa, đoàn người cứ đi" (Les chiens aboient, la caravane passe).

Trước hiện tượng "Tiền cột cổ chó", giới khoa học nước ta tỏ ra lo ngại, tranh cãi sôi nổi. Phe theo thuyết tiến hoá thì cho rằng chó truyền bệnh sang người. Phe khác phản bác, dựa vào lịch sử xã hội để chứng minh rằng người truyền bệnh sang chó.

Tuy chưa có kết luận thống nhất nhưng cả hai phe đều đồng ý với nhau trên một điểm là người giống chó, chó giống người, cả hai cùng biết ăn hồi lộ.

Dân đen gọi những ông hèn kém mà lại có địa vị cao, hợm hĩnh, là "chó nhảy (hay ngồi) bàn độc". Bàn độc là bàn ngồi đọc sách, bàn để đồ thờ. Có người diễn nôm chữ độc là chất độc, là cái bả. Nghe cũng hay hay.

Năm 1929, Nguyễn Công Hoan viết truyện ngắn *Răng con chó của nhà tư sản*, kể chuyện một ông lão ăn mày lập mưu cướp được đĩa cơm của chó, bị ông chủ chó phóng xe ô tô "kẹp cho mày chết tươi, rồi ông đền mạng. Bất quá ba chục bạc là cùng!".

Khoảng 1952, Canh Thân sáng tác bản nhạc tả cảnh chó béc giê nhà giàu "lénh loáng hết ngay một đĩa đây" thịt bò.

- Mới thấy một con chó nhà giàu mà đã nóng mặt. Những nhà tư sản mới bây giờ nuôi cả bây có nghe ai nói gì đâu!

Ngày xưa, nước ta có "Chó đá" (Thạch khuyển).

Lần kể xuân thu biết mấy mươi
Cửa nghiêm thăm thẳm một mình ngồi
Đêm thanh nguyệt dải mành trông nguyệt
Ngày vắng ruồi bầu biếng ngáp ruồi
Cần kẻ tiểu nhân nào đoái miệng
Chào người quân tử chẳng phe đuôi
Phóng trong sức có ngàn cân nặng

Dấu nhấn ai lay cũng chẳng dời.
(Lê Thánh Tông, *Hồng Đức quốc âm thi tập*)
Cửa nghiêm là chỗ thờ phụng trang nghiêm.

Trước kia, hai bên cửa vào nội điện Lam Sơn có " hai con chó đá thô sơ ". Phan Huy Chú cũng cho biết " ngoài cửa nghi môn có hai con chó ngao bằng đá rất thiêng " (Nguyễn Tiên Cảnh, *Mỹ thuật thờ Lê sơ*, Văn Hoá, 1978, tr. 35).

(Chúng tôi có tham khảo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú nhưng không thấy đoạn viết được Nguyễn Tiên Cảnh nói đến).

Bằng chứng chắc chắn hơn là con chó đá châu trước đền thờ Đinh Tiên Hoàng, tại Hoa Lư. Theo Bezacier thì con chó đá này được tạo dựng vào khoảng năm 1610 (Louis Bezacier, *L'art vietnamien*, Editions de l'Union française, 1955, tr.193).

Dường như lúc đầu, khoảng thế kỉ 15 hoặc sớm hơn nữa, người ta đặt chó đá để canh giữ chỗ thờ phụng vua.

Đời sau, nhiều làng bắt chước chôn chó đá để yểm trừ ma quỷ, bảo vệ dân làng. Ban đầu chôn ở cửa đình, cửa chùa, rồi dần dần chôn cả ở cổng làng, đường làng.

Cadière (1918) cho biết :

Làng Nam Phổ Đông nằm trên đường từ Huế ra Thuận An có chôn 2 con chó đá. Một con để chắn hướng đòn ngang của ngôi đình làng Phú Khê nằm gần đó. Con kia để chắn hướng một con đường chạy qua bãi tha ma.

(Léopold Cadière, *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens*, tập 2, Ecole française d'Extrême-Orient, 1992, tr.132, 133).

Dưới gốc đa già, bên cạnh con đường dẫn vào làng Hoàng Mai (quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày nay) trước năm 1945, có chôn 4 con chó đá.

Tiếp theo làng quê, đến lượt các nhà giàu cũng chôn chó đá.

Xưa kia, cửa ngõ thường không làm đúng chính giữa nhà và sân để cho người ngoài đừng nhìn thẳng vào trung tâm nhà. Người ta cũng thường kiêng không nên để cho có con đường đâm thẳng vào nhà, hay là có đền chùa ở trước nhà. Nếu bắt buộc dĩ không tránh được những điều kỵ ấy thì người ta chôn ở trước nhà một con chó đá hay là treo một cái gương ở trên cửa chính để yểm tà khí.

(Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, Đông Nam Á tái bản, 1985, tr.179).

Kho thóc của thành Quảng Trị có chiếc đòn hướng vào dinh quan án sát. Người ta cho đắp một con chó (thần cầu) đặt trên mái dinh để ngăn chặn ảnh hưởng của chiếc đòn kia (L. Cadière, sdd).

Hàng quý tộc chôn chó đá để canh giữ, bảo vệ chỗ thờ vua chúa. Nhà phong thủy chôn chó đá để thay đổi dương cơ, âm phần. Dân gian chôn chó đá để xua đuổi ma quỷ.

Nếu không tiện chôn hay đặt chó đá thì có thể gắn một tấm gương.

Tại Huế, gần bến Đông Ba có nhà bị đòn ngang của đèn Quan Đế phía trước đâm thẳng vào. Chủ nhà cho gắn một tấm gương trên mái. Gương sẽ phản chiếu, đổi hướng đi của chiếc đòn ngang.

Bị một con đường phía trước hướng thẳng vào nhà người ta cũng cho đặt một tấm gương trên mái để tránh rủi ro. (L. Cadière, sđd).

Thành ngữ " *Đánh chó đá vãi cứt* " được dùng để ám chỉ bọn bất tài mà lại hay huyênh hoang, khoác lác.

Chó rom (sô cầu) có từ thời cổ xưa. Lão Tử than :

" Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cầu ; thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cầu... " (Trời đất bất nhân, coi vạn vật như chó rom ; thánh nhân bất nhân, coi trăm họ như chó rom...).

Những con chó kết bằng rom khi chưa bày để cúng thì được cất kỹ trong rương hoặc giỏ, bao bằng gấm vóc, khi cúng xong rồi, người ta liệng chúng ra đường, người đi đường giẫm lên đầu, lên cổ chúng hoặc lượm về để nhóm lửa ".

(Nguyễn Hiến Lê, *Lão Tử -Đạo đức kinh*, Văn Hoá, tr. 171).

Chó rom bị vứt ra đường, bị người ta giẫm lên, hoặc lượm về để nhóm lửa. Như vậy thì chó rom không phải là đồ tế lễ của triều đình, vua chúa.

Chó rom là vật cúng của dân gian. Bên cạnh chó rom (hay chó cỏ) còn có rông đất cũng là một vật cúng.

Thành ngữ " *Chó cỏ rông đất* ", được giải nghĩa là :

" Xưa kia ta cúng tế thường bện chó bằng cỏ, nắn rông bằng đất để dùng lễ cúng ; chùng cúng xong thì đem đi liệng bỏ. Nghĩa rông (của thành ngữ) là : Người hoặc vật mà người ta hết cần dùng. Công thần đã đem mỗi nước lại cho nhà vua, mà bây giờ bị nhà vua sa thải ".

(Diên Hương, *Thành ngữ điển tích*, Phương Lai, 1954, tr. 80).

Rông là biểu tượng của vua chúa. Chó là con vật gần gũi dân đen. Tại sao " chó cỏ" lại nằm cạnh " rông đất " trên bàn thờ ?

Câu trả lời đơn giản là rông (long) của dân gian không phải là rông của vua chúa. Rông của dân gian là con long xà (loài rắn lớn), con giao long (cá sấu, loài thủy quái), con khủng long của thời tiền sử.

Tín ngưỡng dân gian tin rằng :

Những kẻ sát nhân, những gái giang hồ, những người bất nhân độc ác khi chết hồn bị đọa xuống địa ngục, phải leo qua cầu Vòng. Cầu Vòng tròn như bôi mỡ bắc qua sông Nại Hà. Những tội nhân thường chỉ leo được đến lưng chừng là ngã lặn xuống sông Nại Hà bị chó ngao, thường luồng, rắn giải cắn xé.

(Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam*, quyển 1, Xuân Thu, tr. 321).

Người ta phải làm lễ cúng chó ngao, thường luồng, rắn giải dưới âm phủ để cầu cho người chết qua sông Nại Hà được bình yên.

" Chó cỏ, rồng đất " tượng trưng cho chó ngao, thường luông, rắn giải của âm phủ.

Nhiều người sợ chó ngao nhưng lại hay mang chó ngao ra... hù dọa người khác.

Hù dọa bằng cách mời thầy phù thủy làm phương thuật " Yểm bùa hòng chó ".

Thầy phù thủy làm một cái bùa, kết thành hình người mà thân chủ muốn trả thù, muốn hại. Rồi thầy thắp đèn đốt nhang, đọc thần chú, tung phép bắt hồn người kia nhập vào bùa. Bùa luyện xong, được thầy phù thủy yểm vào hòng một con chó.

Người bị trả thù kia sẽ bị âm binh bắt nộp cho chó ngao.

Huỳnh Tịnh Của cho biết là chó cỏ (sô cầu) còn được dùng để tế đảo vũ (cầu mưa).

Văn học thỉnh thoảng cũng mượn hình ảnh con chó để ví von, luận bàn thế sự.

Người thì chửi bọn làm tay sai cho thực dân Pháp :

Sống thì bắt thỏ thỏ kêu rêu
Thác thả dòng sông xác nổi phều
Vần vện sắc còn phơi lũng đứng
Thúi tha danh hầy nổi lêu bêu
Tới lui bịn rịn bấy tôm tép
Đưa đón lao xao lũ quạ điều
Một trận gió dồi cùng sóng đập
Tan tành xương thịt biết bao nhiêu
(Nguyễn Văn Lạc, *Chó chết trôi*)

Người thì than vãn cho cuộc đời phù du :

Lò cừ nung nấu sự đời
Bức tranh vãn cầu vẽ người tang thương.
(Nguyễn Gia Thiều, *Cung oán ngâm khúc*)

Vân cầu là đám mây hình con chó. Cuộc đời đổi thay nhanh như đám mây trắng bỗng chốc hoá thành hình chó xanh (thơ Đỗ Phủ).

Người khác lại muốn được... như chó :

Tâu rằng : " Hổ phạm ngu si,
Đem lòng khuyến mã đền nghì bể sông " (*Nhị độ mai*)

Khuyến mã (chó ngựa) là lời tự khiêm của bầy tôi đối với vua hoặc tớ đối với chủ.

Ồ hay ! Sao lại vàng thau lẫn lộn như thế ? Bầy tôi có bốn phận của bầy tôi. Tớ có phong cách của tớ. Tại sao tôi tớ lại chơi trò, đòi so sánh mình với chó ngựa ? Vô tình hạ thấp uy tín của chó ngựa.

Cao Bá Quát mượn chuyện các quan cãi nhau để chửi khéo triều đình Tự Đức :

...Hai bên cãi nhau
Bên này bảo chó
Bên kia cũng chó

Hai bên đều chó

Rồi họ đánh nhau...

(Thái Bạch, *Giai thoại văn chương Việt Nam*, Xuân Thu tái bản, tr. 108)

Kho tàng văn chương bình dân truyền khẩu có bài (tạm đặt tên là) *Đôi ta* :

Em đẹp như phân lạc giữa dòng

Anh như chú khuyển đứng bên sông

Dòng sông nước chảy em trôi mãi

Anh đứng trên bờ rỏ dãi trông

Hương tình ngào ngạt, thiết tha đắm đuối. Tiếc thương cho số phận nổi trôi, đôi bờ phân cách.
Bao giờ thuyền tình mới ghé bến mơ ?

Kinh nghiệm sống dạy người dân quê một điều :

Chó đâu chó sủa chỗ không

Chẳng thằng ăn trộm thì ông ăn mày

Ngoài nghĩa đen, nghĩa bóng, câu ca dao còn phản ánh nền đạo lí của ta.

Ăn trộm, ăn cắp, ăn cướp, bất kể già hay trẻ, lớn hay bé, tất cả đều là thằng đáng khinh.
Ngược lại, ăn mày được gọi bằng ông một cách kính trọng.

Ăn mày kiếm ăn giữa ban ngày, ăn trộm là phường chỉ thậm thụt bắt kẻ ngày đêm.

Chó có đạo lí của chó. "*Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo*", chưa chắc chó đã thua người.

Các nước phương tây ngày nay đã thành công trong việc huấn luyện chó để cứu người, tìm ma túy, chất nổ.

Người ta đang cố gắng dạy chó ngửi được những đồng tiền bẩn.

Trời đất quỷ thần ơi ! Sao lại dạy chó... chống lại người như vậy ? Người ta muốn diệt chủng chó à ?

Chó nước ta thực tế, biết mình biết người. Không mơ mộng được cưng chiều. Chỉ mong giang sơn gấm vóc kia giảm bớt những lò sát sinh treo " cò tây " ngất ngầu. Bầy, tám món ăn chơi. Chín, mười món ăn thiết. Bớt những tấm bảng hiệu chào khách lung lẳng, cao gần bằng... mái đình làng!

Trong ngôn ngữ hàng ngày, chúng ta nên thận trọng để tránh một vài ngộ nhận.

" Chó má " là lời khen con nít mới đẻ xinh tốt, mà không dám nói ngay (Huỳnh Tịnh Của).
Đồ chó má " là câu chửi, khinh thường người khác.

" Cây chó đẻ " là một loài cỏ dùng làm thuốc chữa bệnh hậu sản. " Đồ chó đẻ " là câu chửi tục tũ.

Đúng như các cụ vẫn thường nói, cứ đụng đến " đồ " là hết cả trang nghiêm. Nhất là... đồ chó.

Nguyễn Dư



(Lyon, 9/2005)

Nhạc sĩ Phạm Duy

"Biết ái tình ở dòng sông Hương"

Nguyễn Đắc Xuân thực hiện

Nhạc sĩ Phạm Duy sinh trưởng ở Hà Nội (5.10.1921), một thời gian dài sinh sống ở miền Nam và nước ngoài, tác phẩm của ông gắn bó với nhiều địa phương trong cả nước. Do hoàn cảnh lịch sử, ông đã có những quan hệ đặc biệt với Huế, với vùng núi Ngự sông Hương. Người hâm mộ tân nhạc Việt Nam - âm nhạc Phạm Duy đều biết thế nhưng chưa có dịp biết cụ thể như thế nào. Năm nay, nhân ông được phép về ở hẳn tại quê nhà, nhà văn - nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân đã có cuộc trò chuyện rất lý thú với ông về vấn đề trên sau đây.

Nguyễn Đắc Xuân (NĐX).- Thưa anh Phạm Duy, trong lời ca bài Tình Ca của anh có câu: "Biết ái tình ở dòng sông Hương". Vậy anh biết sông Hương, biết Huế từ khi nào ?

Nhạc sĩ Phạm Duy (NSPD).- Hồi còn nhỏ sống với gia đình ở Hà Nội, tôi biết hương vị Huế (làm sao mà biết ái tình sớm quá được) qua tiếng đàn tranh của bà Âm Chung, một người Huế mà mẹ tôi cho ở trong nhà, hoặc qua giọng ca Huế của Cô Nhơn trong đĩa hát Béka loại 78 tours, với những bài Nam Bình, Nam Ai. Tôi rất thích nhạc Huế nên tôi ước mơ có dịp vào thăm viếng Huế.

NĐX.- Rồi sau đó ước mơ của anh đã trở thành hiện thực vào năm nào, trong trường hợp nào ?

NSPD.- Đầu năm 1944, tôi theo gánh hát Đức Huy-Charlot Miều đi diễn từ Bắc vào Nam, và ước mơ đến Huế của tôi đã trở thành hiện thực. Gặp buổi đầu Xuân, trời mưa phùn, cảnh sắc Kinh đô Huế thơ mộng làm sao. Gánh hát đến ở và diễn tại Rạp Tân Tân quay mặt ra đường Paul Bert (Trần Hưng Đạo ngày nay) trước chợ Đông Ba bên bờ Bắc sông Hương.

NĐX.- Anh hưởng (enjoy) được cái gì ở Huế đầu tiên ?

NSPD.- Được nằm trong khoang thuyền nghe ca Huế từ đêm cho đến sáng. Trước đây chỉ được nghe ca Huế qua đĩa Béka giờ được trực tiếp nghe tiếng đàn của Vĩnh Phan, giọng ca của Bích Liễu (vợ Vĩnh Phan), Minh Mẫn rót ngay vào tai mình những hò Mái nhì, hò Mái đây, những lý Tình tang, những Nam Bình, Nam Ai trong khung cảnh nên thơ của sông Hương về đêm thật quá tuyệt vời !

NĐX.- Những bài ca Huế ấy sau này có ảnh hưởng gì đến cuộc đời hoạt động âm nhạc của anh không ?

NSPD.- Làm sao không ! Khi tôi tới Huế, tôi có dịp được biết gần như hầu hết dân ca cổ truyền ở Quảng Trị, Thừa Thiên, như Hò Giã Gạo, Hò Nện, Hò Ô, Hò Thai v.v... Những câu hò làm tôi rung động, như :

*Núi cao chi lắm núi ơi,
Núi che mặt trời không thấy người thương...*

*.....
Mãn mùa tóc gạo rơm khô,
Bạn về quê bạn biết nơi mô kiếm tìm?*

Lúc còn bé, nghe ca Huế tôi không phân biệt được hơi Bắc, hơi Nam. Khi vào Huế tôi mới nhận ra được sự lơ lớ của cung bậc mà sau đó tôi gọi là "Ngũ cung lơ lớ" trong ca / hò xứ Huế. Các cung bậc của ca hò Huế có những cao độ (intervalles) non hơn hoặc già hơn các cung bậc trong âm giai Tây phương hay âm giai ở miền Bắc (Hơi Bắc thuộc loại Ngũ cung đúng). Do đó những câu hò kể trên quặn rũ tôi ngay lập tức. Khám phá được "sự lơ lớ" ấy giúp tôi viết ra nốt nhạc các bài ca Huế một cách khoa học hơn những người đi trước như cụ Hoàng Yến trong loạt bài đàn ca Huế đăng trong BAVH mà các nhà nghiên cứu âm nhạc Huế đều biết cả. Âm nhạc nói chung và ca Huế nói riêng đã có một ảnh hưởng lớn đến cuộc đời sáng tác âm nhạc của tôi.

NĐX.- *Anh có còn nhớ những nghệ sĩ đàn ca Huế lúc ấy ?*

NSPD.- Nhớ nhiều lắm chứ ! Trong lúc học hỏi về nhạc cổ truyền ở Huế tôi may mắn được gặp và thân với các nhạc sĩ Vĩnh Phan, Bửu Lộc .v.v. đặc biệt là có ông Ngũ Đại Vĩnh Trân, con vua Thành Thái, anh ruột vua Duy Tân. Những người Hoàng phái này yêu âm nhạc với một tâm hồn phóng khoáng rất nghệ sĩ. Về sau nhiều người thân với tôi như Bửu Lộc, Vĩnh Phan... Bây giờ thì các cụ ấy đã qui tiên cả rồi. Thương lắm.

NĐX.- *Đầu năm 1944, ở Huế đã có hoạt động tân nhạc chưa, thưa anh ?*

NSPD.- Có rồi. Trong số khán thính giả đến nghe tôi hát *Buồn Tàn Thu* ở rạp Tân Tân có các nhạc sĩ như Ngô Ganh, Văn Giảng, Nguyễn Đình Thị, Lê Quang Nhạc v.v...Sau các buổi diễn chúng tôi có trao đổi kinh nghiệm, tài liệu giữa ca sĩ chuyên nghiệp và các nhạc sĩ nghiệp dư ở miền núi Ngự sông Hương. Tôi có thêm các bài nhạc mới như *Hương Giang Dạ Khúc* của Lưu Hữu Phước, *Trên Sông Hương*, *Bướm Hoa*, *Đêm Đông* của Nguyễn Văn Thương. Tôi đã hát ngay những bài này trên sân khấu rạp hát Tân Tân và được Ban nhạc Tây trong gánh hát Charlot Miêu đệm. Khán thính giả Huế thích lắm.

NĐX.- *Còn hoạt động của các ngành nghệ thuật khác ?*

NSPD.- Hoạt động văn nghệ ở Huế lúc ấy cũng hào hứng lắm, không thua gì ngoài Bắc, trong Nam đâu. Dù sao Huế cũng là đất Kinh đô đây chứ ! Vũ Đức Duy, người đi tiên phong trong làng thoại kịch, đã dựng vở thoại kịch phóng tác từ phim Ben Hur - một chuyện cổ La Mã, rất nổi tiếng. Rồi đoàn hát Kim Sanh (nghe đâu thành lập từ năm 1938), của hai anh em ông Hoàng Trọng Thước và Hoàng Trọng Khanh - em của bà Đoàn Huy Hoàng Thái hậu (tức bà Từ Cung - Hoàng Thị Cúc) hoạt động sôi nổi lắm. Đường lối nghệ thuật của Đoàn hát Kim Sanh giống như các đoàn hát Cải Lương ở trong Nam, chỉ khác ở chỗ về phần âm nhạc họ không dùng những bản ca nằm trong nhạc mục của sân khấu miền Nam mà dùng toàn những điệu ca Huế.

NĐX.- *Là một người hoạt động nghệ thuật, anh nghĩ về Huế như thế nào ?*

NSPD.- Đối với tôi, Huế luôn luôn là cái nôi của nghệ thuật. Thượng lưu trí thức đều có mặt ở Huế. Các môn khác tôi không dám nói, về âm nhạc, Huế là cái nôi, cái tổ của âm nhạc, Đường thượng chi nhạc, đường hạ chi nhạc đều có ở Huế. Vì là đất của nhà vua nên nhà vua triệu về đây những người giỏi âm nhạc nhất nước. Nhà vua có tiền cho người đi học ở những nơi cần học. Cái nhà hát bộ đầu tiên của nước Việt Nam - Duyệt Thị Đường, chỉ có ở Huế, rồi Minh Khiêm Đường, Cửu Tư Đài... đều ở Huế. Người soạn tuồng hay nhất nước là ông Đào Tấn cũng hoạt động và nổi tiếng từ Huế. Những vở tuồng lớn nhất nước *Vạn Bửu Trình Tường* diễn hàng trăm đêm, *Quần Phương Hiến Thụy* diễn gần 50 đêm đều được soạn ở Huế. Cái nhà thờ dành cho ngành Hát Bội cả nước - Thành Bình Tự Đường - cũng chỉ có ở Huế. Còn vô số hoạt động âm nhạc, hoạt động Hát bội của các ông hoàng, bà chúa chúng ta vẫn chưa nghiên cứu hết. Chính vì thế mà ngày nay Ca nhạc cung đình Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại là chuyện rất xứng đáng.

NĐX.- *Ở trên anh có nói "Âm nhạc nói chung và ca Huế nói riêng đã có một ảnh hưởng lớn đến cuộc đời sáng tác âm nhạc" của anh. Xin anh cho biết cụ thể nó đã ảnh hưởng đến sáng tác của anh như thế nào ?*

NSPD.- Trong lần gặp gỡ đầu tiên với chiếc nôi của âm nhạc Việt Nam là Thành phố Huế, tôi đã học hỏi được rất nhiều về dân ca và âm nhạc cổ truyền. Tôi khám phá ra sự phong phú của nhạc ngữ Việt Nam qua hệ thống âm giai đặc biệt để rồi sẽ dễ dàng viết ra nhiều bài hát mang âm hưởng Huế như bài *Về Miền Trung*, nhiều đoản khúc như *Ai vô xứ Huế Thì Vô*, *Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi* trong Trường ca *Con Đường Cái Quan*, và *Sông Vui Chôn Mẹ* trong Trường ca *Mẹ Việt Nam* sau này.

NĐX.- *Vâng, thưa anh. Trước những năm năm mươi tôi còn là một cậu bé nông dân sống trong núi rừng Đà Lạt. Trong nảo trạng của tôi vốn có một chút âm nhạc Huế của ông nội tôi và mẹ tôi trao cho từ lúc tôi còn nằm nôi, không nhớ bằng con đường nào, tôi đã biết hát bài Về Miền Trung của anh. Và, tôi rất mê, vì nó gần gũi với tôi quá ! Xin anh vui lòng cho biết anh đã sáng tác bài Về Miền Trung trong trường hợp nào ?*

NSPD.- Đây là một câu chuyện dài hết sức thú vị. Có thể nói là một kỷ niệm lớn, hào hùng nhất trong cuộc đời sáng tác âm nhạc của tôi. Tôi đã kể sơ qua trong hồi ký. Nhưng nếu muốn viết cho đầy đủ chuyện này thì phải viết một cuốn sách. Nhân đây tôi xin nói qua một chút là như thế này: Năm 1948, tôi là nhạc sĩ trong đoàn Văn nghệ của Trung đoàn 304 đóng ở Thanh Hoá, được tướng Nguyễn Sơn cử vào phía Nam nơi mệnh danh là "Bình Trị Thiên khói lửa". Cùng đi có anh Bửu Tiên (nhà soạn kịch), Vĩnh Cường (ca sĩ) và cô Ngọc Khanh (em gái của nhạc sĩ Ngọc Bích) và một số đội viên khác. Chuyến đi lịch sử này là một thử thách chưa từng có đối với tôi như phải trải qua cả tháng trời lội suối, trèo đèo mệt nhọc, đi qua vùng địch đóng nguy hiểm đến tính mạng, bệnh tật sốt rét, ghẻ lở, đói khát với trăm ngàn thử thách, khó khăn không lường trước được. Nhưng đáp lại, chuyến đi này rất hào hùng, thú vị, gây cho tôi nhiều cảm xúc để sáng tác. Đi qua quê nghèo Quảng Bình tôi soạn được bài *Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây*, sau này đổi thành *Quê Nghèo* như nhiều người còn hát. Đi qua Quảng Trị tôi soạn được bài *Bà Mẹ Gio Linh* cũng bất hủ. Cuối cùng tôi đến chiến khu Huế gặp ông Hà Văn Lâu, Hoàng Trọng Khanh mà tôi đã quen từ hồi mới vào Huế năm 1944. Ở chiến khu Thừa Thiên một thời gian, tôi được tách khỏi đoàn văn nghệ, về sống với đồng bào ở các huyện phía Bắc Huế. Căn nhà nơi tôi ở lại nằm cạnh con sông Ô Lâu nước chảy êm đềm. Hằng đêm, tôi được mời đi hát cho cán bộ, bộ đội, đồng bào nghe. Và, tôi cũng được nghe dân hát "Tình về Đại Lược/ Duyên ngược Kim Long/ Tới đây là chỗ rẽ của lòng/ Gặp nhau còn biết trên

sông bến nào ?". Bài *Về Miền Trung* ra đời trong khung cảnh đó. Năm 2002 các bạn Huế có đưa tôi về thăm lại nơi này. Cảm động lắm.

NĐX.- *Xin anh nói rõ thêm về cái chất nhạc Huế trong bài Về Miền Trung. Cái chất nhạc đó đã làm cho người miền Trung, trong đó có tôi, mê nó nhưng không phân tích được!.*

NSPD.- Với sự hiểu biết của tôi về nhạc cổ truyền của Huế, tôi thử vận dụng một cách đơn sơ vào bài *Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây*. Khi vào Huế, có điều kiện thời gian và cảm xúc sâu hơn, tôi phát triển mạnh cái thang âm lơ lửng của các điệu hò, điệu hát Huế vào bài *Về Miền Trung*. Nhưng khác với các bài hát cổ truyền Nam Bình, Nam Ai than vãn, chỉ có một tiết điệu chậm buồn, bài *Về Miền Trung* (với ba tiết điệu khác nhau) nhạc và lời mạnh mẽ hùng dũng nhằm động viên tinh thần chống giặc của toàn dân lúc ấy. "*Về miền Trung / Còn chờ mong núi về đồng xanh/ Một chiều nao đốt lửa rực đỏ thành* (Tiêu thổ kháng chiến mà !)/ *Tay trong tay dắt nhau về quê hương cũ/ Không than vãn, không sầu nhớ*". Lúc đó khó khăn vô cùng, nhưng lạc quan yêu đời, tin tưởng kháng chiến sẽ thắng lợi đến như thế thật cũng lạ !

NĐX.- *Anh có còn nhớ lúc ấy anh đã được mời đi hát ở những đâu tại vùng nông thôn Thừa Thiên Huế không ?*

NSPD.- Nhớ nhưng không thể nào nhớ hết. Tôi nhớ có lần được đưa vào hát ở cả Thanh Thủy Chánh, Vỹ Dạ thuộc vùng ven đô, gặp nhiều nhân sĩ trí thức ở Huế ra nghe, thú vị, hào hứng lắm.

NĐX.- *Vâng. Nhiều cán bộ biết anh hát lúc đó nay còn sống đã kể cho tôi nghe chuyện đó. Như vậy cho đến năm 1948, anh đã có hai lần gắn bó với Huế hết sức sâu sắc. Lần đầu vào năm 1944 vào Huế với gánh hát Charlot Miều để đi "hành nghề" ca sĩ và học âm nhạc cổ truyền Huế, lần thứ hai năm 1948, anh vào Huế với tư cách một nghệ sĩ đi phục vụ đất nước, phục vụ cách mạng. Đến năm 1953, vào thành, anh viết bài Tình Ca trong đó có câu "Biết ái tình ở dòng sông Hương". Vậy anh biết "chuyện ấy" ở Huế vào lần vào Huế nào ? "Người ấy" là ai ? Sau này anh có dịp nào gặp lại không ? Và, nay ...?*

NSPD.- (Cười hả hê) Chưa ai hỏi tôi câu này bao giờ. Chuyện của tôi, tôi trả lời không có gì khó cả. Nhưng với tư cách là một nhà Huế học như anh, tôi nghĩ là anh đã biết, đã có các câu trả lời chính xác rồi. Nhưng đã nên công bố những điều ấy lúc này chưa ? Với cuộc đời trên 85 tuổi của tôi, với năm bảy "cuộc tình", gặp gỡ nhiều người gốc Việt, gốc Tàu, gốc Tây, quan niệm về chuyện " biết ái tình" của tôi nó rộng lắm.

NĐX.- *Nhưng hẹp lại với "con gái Huế" thì anh quan niệm như thế nào ?*

NSPD.- Từ khi biết Huế (1944) cho đến khi tôi đã yêu bà Thái Hằng rồi thành vợ chồng (1948), tôi vẫn ước mơ có một người tình xứ Huế. Con gái Huế, lẽ dĩ nhiên là đẹp rồi. Cái mà tôi thích nhất là người đàn bà xứ Huế còn giữ được nhiều nữ tính. Cái nữ tính ấy lại được nuôi dưỡng trong khung cảnh nên thơ của vùng có nhiều đền đài lăng tẩm núi Ngự sông Hương làm cho nó có một sức hấp dẫn mạnh đối với loại người có nhiều "đàn ông tính" như tôi. Theo tôi, không một nơi nào trên cái nước Việt Nam này có người phụ nữ được sống trong cái môi trường văn hoá thơ mộng sâu sắc như thế cả. Bởi vậy, Hàn Mặc Tử mới hỏi "*Sao anh không về chơi thôn Vỹ ?*" Có anh chàng văn thi nhạc sĩ Việt nào mà không ước mơ đến Huế, không ước mơ có một mối tình ở Huế ? Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân, Dương Thiệu Tước, Xuân Diệu, Huy Cận, Văn Cao, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Phạm Hầu ...và tôi chắc

trước kia các cụ Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Công Trứ, Đào Tấn...cũng thế !

NĐX.- Nhưng có lẽ không ai có nhiều "mối tình" với Huế bằng anh ?

NSPD.- Nhà Huế học mà nghĩ như thế, có thể sai mà không sai.

NĐX.- Cuối cùng, cái hấp dẫn của Huế nói chung và người đẹp xứ Huế nói riêng đã để lại gì trong tác phẩm của anh ?

NSPD.- Tôi vẫn chơi thân với nhiều người bạn Huế, còn đến Huế nhiều lần, còn "bị" tác động, còn sáng tác, còn viết nên chưa thể trả lời ngay được. Xin nhờ một nhà nghiên cứu âm nhạc trong tương lai trả lời hộ tôi vậy.

NĐX.- Thừa nhạc sĩ Phạm Duy. Sau bao cuộc chia cắt bể dâu, "bên ni bên nớ", hôm nay được ngồi trò chuyện với anh giữa Thành phố Hồ Chí Minh thanh bình như thế này, thật hết sức quý báu. Mặc dù còn khối chuyện người Huế muốn biết về anh nhưng không thể làm mất thì giờ anh thêm nữa. Trước khi tạm biệt anh để về lại Huế, tôi xin đại diện cho những người Huế yêu nhạc Phạm Duy cảm ơn anh đã cho phép tôi thực hiện cuộc trò chuyện lý thú này. Xin chúc anh sức khỏe, hưởng cái tết đầu tiên trong ngôi nhà riêng của anh sau 30 năm xa quê. Mong sẽ lại được đón anh ra chơi Huế và được thưởng thức những sáng tác mới của anh, đặc biệt những sáng tác anh soạn khi nhớ Huế. Tạm biệt anh.

Tp HCM, cuối năm 2005

Thơ Nguyễn Hồi Thủ

Không đề

Cứ tưởng tượng linh hồn có thật

Chiều nay về lại bến sông quen

Cũng giản dị như nước về trên cát

Và tình yêu quay lại chốn vô thường

St Raphael , Hè 2004

Thơ Nguyễn Hồi Thủ

Ghi lại sau lần gặp bạn cũ

Nhà anh bên dòng sông
Mùa này đầy hoa hai bên bờ
Nắng xuân còn mang theo gió lạnh
Vào chuyện đời mấy chục năm xưa
Đây là lần đầu tiên tôi điểm tâm bằng rượu
Mặt trời say nhuộm đỏ dòng sông
Anh nói nhiều mà sao trông buồn thế :
Tuổi năm mươi hy vọng có bằng không
Con tao lớn đã trở thành người nước khác
Vợ tao chưa bao giờ về thăm quê chồng
Anh mang dáng dấp một người Nhật già
Khi mở miệng cười và nói về vật giá
Về cách sử dụng thì giờ ngày cuối tuần
Anh chỉ những chiếc xe mới loáng nắng dưới kia
Bên mấy ngôi nhà xinh nằm giữa hoa
Nhắc về ước mong thời sinh viên quên bao năm trước
Như kẻ không còn ý niệm về không gian và thời gian
Anh kể chuyện một người anh tập kết vừa mới mất :
Trước khi chết ‘nó’ cũng đã giàu
Cái giàu vội của một người giữa xứ nghèo
Nó cũng có chút quyền và dùng cái quyền ấy
Ở một nước mà mọi người đều mỗi mệ và sợ sệt
Bây giờ đến lượt những thằng cháu
Chúng đã man, xì ke, ma túy, nghèo đói, xi-đa,
Mình có làm gì được ? Thôi cha nội ời uống đi !
Và sáng đó hai chúng tôi say khướt
Anh bạn tiến sĩ kinh tế của tôi
Thỉnh thoảng vẫn đi châu Phi
và vài nước Đông Nam Á khác

Chiba xuân 26/5/91

Cơn đau cuối năm

Thy An

*rồi một ngày
trong cơn đau rã rượi
giữa những cô đơn âm thầm
ta nghe đêm gửi về chút hương trầm
làm thơm những góc sâu kỷ niệm.
đêm vẽ lên những vì sao ngọt lịm
lấp lánh như ngọn hải đăng soi đường
đưa ta về góc rừng nhật nguyệt
mịt mờ nhân ảnh
chuyện cổ tích xa xưa ngủ giấc ngàn thu.*

*đêm sẽ nghe cơn đau đuổi ta về vô định
mãi mãi lang thang
tìm đất hứa thiên đàng.
sẽ còn chẳng lần cuối cùng
gió nổi lên từ những hàng cây thật lạ
vàng trắng thấp sáng nụ cười trong như sương
ẩn mình giữa hoa lá dị thường
và soi lên những thao thức của trái tim kiệt lực ?*

*hãy đi về phía đông
tìm cho ra ánh mặt trời nở rục
hãy nhìn lên cực bắc
tìm một vì sao chói sáng ngân hà
để bắt đầu lại chu kỳ của ngày đêm
đo lại sự tàn phá của thời gian
trên những tế bào rung chuyển.
hãy nhìn lên những đêm đen xao huyền
nghe không gian cuồn cuộn thịt xương
những xanh xao nhỏ xuống vô thường
như chứng tích của thời gian
trên xác thân bao lần yên lặng.*

*hãy đi về những vùng trời cỏ nắng
ta nhủ lòng
tìm cho ra bóng mát chòm me
che cho được khuôn mặt hao mòn đá lạnh
từng sợi râu nước nở u buồn.*

*hãy vào rừng, xuống biển, lên non
tìm cho được gỗ trầm, ngọc quý*

cắt chiếc lông son
giam tất cả những đam mê còn sót lại.
hãy ngồi xuống đây thở một hơi mềm mại
nghe độc được cuộc đời
làm rơi rụng tóc thanh xuân
kẻ nhân tài nắm vạt áo tả tơi
trước vinh nhục
chốn nhân quần bỗng trở nên cảm thú.

đêm đi qua gọi gió mùa mưa lũ
ta nghe đâu đây
tiếng chim đau rên rỉ góc chuông.
đêm sẽ kể ta nghe về những nỗi buồn
nơi vùng biển cũ
có đám thủy thủ già bó gối nhìn trăng
và ta như người ngư phủ nhọc nhằn
trông bão tố máy bến đời lỏng lẻo.
sẽ còn chăng lần cuối cùng
đêm vớt hết cho ta
những mùa trăng biển rộng
để ta cất trong hồn
và quên đi cơn đau xót thịt da ?

Thy An
cuối 2004
tặng NHDũng

còn lại nhau ...

Thy An

*còn lại nhau
một chút bụi mưa
trên mấy tầng tháp cổ
bơ vơ
con đường nhựa cũ
chiếc thổ mộ già
chở hoa vào thành phố
lóc cóc buổi chiều
đều hiu
như mùa thu
đang rụng xuống đầu tay*

*còn lại nhau
một thoáng heo may
lướt qua vương đời thẳm lặng
căn gác trọ nghèo nàn
với ô cửa hoen vàng kỷ niệm
thời gian vây quanh bằng những nỗi truân chuyên
chiếc áo sờn vai
mỉm cười với muộn phiền
và sợi tóc tài hoa
bình yên rụng xuống
giữa bao la cô độc*

*còn lại nhau
bức tranh ảm mốc
nét vô thường vẽ lên những tàn phá của thời gian
nghe ề a những giọt tâm kinh
hòa lẫn bóng hình
duyên và nghiệp với sắc không, không sắc.*

*còn lại nhau
một khoảng trời xa lắc
chiếc cầu cô đơn
bắt qua kỷ ức của dòng sông
ngày này năm xưa
con phố nhỏ chìm giữa cuồng phong
chân dung mờ ảo
dài bóng đổ
mấy dặm trường kỷ niệm.*

còn lại nhau
chút êm đềm ngọt lịm
những con đường không nhớ nổi tên
người nghệ sĩ lênh đênh
giấy vụn, thơ cùn
tìm không ra chữ
giữa đêm khuya trắng vờ.

còn lại nhau
một nỗi buồn vô có
cùng bao điều không thể đặt tên
phố xá lãng quên
quán cóc vắng người không tiếng nhạc
gã Mozart già đầu nhuốm bạc
còn đâu
tiếng dương cầm lệch lạc, phím long ?
khung cửa sắt chờ mong
hoen mòn rỉ sét
nhớ mãi đóa hoa đào thuở trước
và chàng Thôi Hộ thần thờ
tuyệt vọng.

còn lại nhau
cả một trời cảm động
cuộc hồng trần
mưa bụi về đâu ...

thyan nguyênthétài
12-2005

Mẹ ơi lòng dậy theo ngày tết

Gió lạnh lừa cuối năm
Nước mắt rơi âm thầm
Mẹ ơi lòng dậy theo ngày tết
Tuổi trẻ hồn nhiên được mấy lần

Tay nhỏ vụng về bên mộ chí
Hoa vàng lả tả rơi hoàng hôn
Gió xuân băng lãng nghiêng đầu trúc
Thăm mẹ sao lòng con gió đông

Phong trần từ đó đeo thơ ngây
Chim non bạt gió buồn thêm đây
Thiên hạ vui xuân con ngồi khóc
Nhớ mẹ, hoa vàng, ngọn trúc lay

Rồi tuổi thời gian theo bóng xế
Chim chiều vội vã khuất bên kia
Mẹ ơi ! ngàn dặm xa lưu lạc
Trừ tịch làm sao một lối về

Đốt nén hương trầm chào xuân mới
Âm thầm con khóc mẹ, mẹ ơi
Chiều nay ra đứng trông về núi
Tìm bóng mẹ sau ánh mặt trời...

Trần Thế Phong

Tình Thu

*Ai có lên rừng ngắt lá thu
Cành phong quyến rũ đủ muôn màu
Phất phơ trong gió ru vào mộng
Đắm hồn ngây ngất buổi chiều rơi*

*Cả một rừng phong nhuộm lá vàng
Đan cùng màu đỏ lệ nơi tim
Bức tranh thiên tạo ai khéo dựng
Gợi nhớ gợi thương một bóng hình*

*Tri kỷ nơi đâu về với cảnh
Trao đổi vần thơ gửi tặng nhau
Nhặt từng chiếc lá đem ấp ủ
Mỗi độ thu về mong nhớ ai*

*Tình thu thâm thiết mãi không nguôi
Thu đến thu đi thu lại đến
Ngày tháng trôi đưa như lá rụng
Nhuộm tím cõi lòng nhớ mênh mang...*

Tuấn Trang

bên kia bờ

*Bên ngoài hạn hẹp
điện ngọc nguy nga
hay vẫn đi dưới rùng mơ
nổi khoan hồng không thể giải
vượt ra ngoài hiểu biết
lìa xa mọi thi thố của trí năng
thân ôm chằm thắm chấp
gió ập như thác đổ
rúng động hai bàn chân
đam mê không củi lửa
chỉ còn chút tự tại
làm hành trang mong manh
vọng đêm đầy núi gió
bật tăm tiếng còi tàu thường lệ
từ đáy thăm sâu
nghe chừng xa lạ
tiếng cười diệt vọng
lời kinh thức giấc
gió ngừng đổ
tĩnh lực
cùng tiếp sức*

bên kia bờ

Vũ Tiên Lập
Tặng Bùi Huy và Trương Đình Luận
Tháng Chạp 2005

Khách Trần

*gió tru réo thất thường
xua mùa đông vào cửa áo
thốc từng nổi niềm nghi hoặc
tháng giêng đầy vọng động
cảm giác vô về
mơn trớn trên vai khách trần
đêm mặc nhiên và thật nhất
ngoài sự nhận biết không trách cứ
rời chuyển hóa như con đường
mặc vết lăn nghiền dẫm
giòng sóng ảo thuật
tìm một giấc mơ minh bạch
thoát y những tha lực đã chết khô
nhặt lại một dấu tích cũ
sao đôi trời tắt trên tay*

ảo ảnh

*có một chỗ nào về từ vạn kiếp
hay mê vọng ban sơ
men ký ức
ảo ảnh
bàn tay phù thủy
bóp méo dung nhan
tháng mười đêm về rất sớm
gió đón đường giữ chân kẻ lạ
vó tự phiêu linh
vắng chân kẻ đến
im lặng là nói với chính mình
như ru đêm hoa nở
lời vô niệm*

Vắng mặt

*ý chừng như thấu hiểu một điều gì
thành đô rúc ran tiếng cười
trong lòng đêm què quặt
em nói với tôi
về màu nhiệm
sự cô đơn
cùng cực của con người
không một chỗ nương thân*

*này em
trên muôn vàn lẽ sống
có một ngọn đèn không bao giờ tắt
giữ lấy
để thắp sáng đường về
khi không thể vay mượn của đất
trời
soi vào hố thăm
em sẽ bước qua rất yên
thấp bóng mình
đưa con thạch nữ
khó có thể tưởng được
nhưng rừng hương đã thở
mùi hương độc đáo
sẽ không bao giờ còn thiếu thốn
khi ngọn đèn chẳng thể tắt
vì em là chốn ngụ*

ký ức

*biển cả đã chuyển mình
xóa nhòa đi tất cả
đâu còn sóng đợt trước sau
hãy lắng nghe biển động
nhớ về cõi hoang vu
biết đâu chừng ta gặp lại
bóng dáng mình đã ngủ quên
từ nguyên thủy*

Thơ Vũ Quyên

Đêm thành phố

*Đêm thành phố buồn lưng trông mắt
Theo dấu chân xiêu phủ dấu đời
Ba mươi năm bước không chạm đất
Một cánh Thiên di bỗng rã rời*

VQ

**Đêm thành phố chân xiêu chân đá
Ánh đèn màu lấp lóa tiếng ngựa xe
Bờ sông đen sần sượng gió vuốt ve
Đêm nhiệt đới thắm sâu từng vuông thịt**

**Ta về đây ,cõi ta bà mờ mịt
Ba mươi năm có chỗ thiếu chỗ thừa
Gặp lại nhau, ướt mặt cả cơn mưa
Muôn âm sắc vỡ toang dòng nước mắt**

**Ánh trăng loang vũng bùn đen nồng nặc
Đời quanh quanh quẩn quẩn ngõ ao tù
Điệu ru đêm có no giấc mộng thừa
Câu kinh cuối ngai ngừng lời thú tội**

**Ta bỗng hóa thân : đám lục bình trôi nổi
Một thoáng mơ về biển lớn ngàn trùng
Thủy triều đêm sóng vỗ ngai ngừng
Đem chút gió vẩn vương lòng viễn xứ**

**Sao mắt mẹ đăm đăm buồn tư lự
Ánh sao đêm le lói giữa trời đen
Lạc múi giờ trên đôi mắt quầng đen
Ta thức trắng,ngón ngang lời vụn vỡ**

**Chân bước đi , quất quay đời làm lỡ
Mặt trời buồn hiu hắt ánh tà dương
Quê hương đau vàng vọt mộng thiên đường
Ta tro bụi với niềm đau chột nhói**

**Vết chân hằn trên đường quê lở lói
Ta về đây một thoáng rồi ra đi
Để lại sau lưng
bao lời hẹn lúc phân kỳ
và chút nhớ lấp đầy cơn đau vời vợi**

Vũ Quyên

Trường cũ nghiêng nhìn con dốc say

**Trường xưa rẽ lọn tóc mây vương
Tay bỗng rong rêu bám mảng tường
Nhân ảnh rung lòng cơn trời xoáy
Trăm năm còn đọng một mùi hương.**

Anh Đào lơ lửng gió tàn đông
Người xuôi con nước cuộn theo dòng
Màu vôi năm cũ ươm vàng vọt
Lòng đắm mùa ngâu không nắng hong

Trường cũ nghiêng nhìn con dốc say
Xanh rêu còn hóng chuyện xưa nay ?
Tháng năm chân mỗi mơn tam cấp ?
Cần côi thân già thêm tàng cây

Lớp cũ em ngồi tắm dấu in
Mực tím nhòe loang mất đôi tìm
chữ khắc vụng về trên phiếm gỗ
Ghế cũng oằn mình nặng tay vin

Tự hỏi lòng mình là cơn bão
Lá đổ trăm chiều dạt bước ngầy
Dòng lững lờ trôi ngày tháng tận
Con tàu kỷ niệm vượt tầm tay

Từ em nhật thực che vạt nhớ
Vạt sóng âm thầm khơi mảng say
Thuyền xa bến đỗ ,xiêu hàng liễu
còn vương trong lòng sợi tóc mây

Đường xưa rẽ sóng tóc phong sương
Hồn bỗng xanh rêu bám đoạn trường
Chân nhớ xiên hàng dòng thơ cũ
Nhật nguyệt soi mòn một trời thương

Vũ Quyên

Triệu Đà và nước Nam Việt trong dòng chảy lịch sử Việt Nam

Trương Thái Du

Bài viết này được mặc thảo theo đề nghị của Giáo sư trợ giảng Hàn Hiếu Vinh tức Xiaorong Han (Khoa Lịch sử và Nhân loại học, ĐH Butler - Hoa Kỳ). Hy vọng đây sẽ là đóng góp nhỏ vào nỗ lực mà ông Hàn đang ôm ấp cùng một số đồng nghiệp tại Trung Hoa lục địa: Hóa giải những mâu thuẫn lịch sử quốc gia giữa Việt Nam và Trung Hoa trên cùng một chủ đề nước Nam Việt thời Tây Hán.

Tuy vậy, góc nhìn ở đây sẽ bị ràng buộc bởi khuôn khổ những giả thuyết tổng thể về cổ sử Việt Nam trong "Một cách tiếp cận những vấn đề cổ sử Việt Nam" mà tác giả đã từng giới thiệu trên các báo điện tử .

Qua đây, tôi cũng xin thay mặt ông Hàn gửi lời mời trân trọng đến các cây bút chuyên nghiệp hơn góp thêm tiếng nói, hầu đa dạng và phong phú hóa các quan điểm Việt Nam về Nhà Triệu và nước Nam Việt.

1. Những mô tả về nước Nam Việt của hiến sử Việt Nam trước năm 1400:

Tập hiến sử đầu tiên của Việt Nam còn bảo tồn được đến hôm nay là An Nam Chí Lược của Lê Tắc (viết năm 1335). Ở quyển Đệ nhất Lê Tắc xếp nhà Triệu là khởi triều, nếu không kể một ít nguồn gốc Giao Chỉ - Việt Thường dựa vào tích "Giao Chỉ chi nam hữu Việt Thường quốc" được nhiều sách đời sau dẫn từ Thượng Thư Đại truyện. Song có một phần sự kiện liên quan được kê cứu như cổ tích.

Nhà Tần (246-207 trước công nguyên) lấy Giao Chỉ làm Tượng-Quận; đến khi nhà Tần loạn thì Đô-ủy quận Nam-hải là Triệu-Đà nổi binh đánh lấy hết các quận quốc, rồi tự lập làm vua. Khi ấy, Hán-Cao-Tổ sai Lục-Giả qua lập Đà làm Việt-Vương. Sau khi Cao-Tổ băng, Cao-Hậu cấm Nam-Việt mua đồ sắt của Trung-Quốc, Đà tiếm hiệu xưng đế, rồi phát quân đi đánh Trường-Sa. Văn-đế lại sai người đưa thư qua trách Đà. Đà có ý sợ, bèn bỏ hiệu đế, nguyện làm tôi và cống hiến phẩm vật.

Năm Kiến-Nguyên thứ 3, (vua Võ-đế, 142 trước công nguyên) Đà mất, con cháu họ Triệu truyền xuống bốn đời, kể được hơn chín mươi năm.

Võ-đế sai Chung-Quân đi sứ qua Nam-Việt để dụ vua Việt tên là Hưng vào châu, Hưng muốn đi, nhưng bị tướng Lữ-Gia can ngăn, vua không nghe, Gia làm phản, nổi binh đánh giết vua và cả sứ-gả nhà Hán, lập Kiến-Đức là anh khác mẹ lên làm vua Nam-Việt.

Năm Nguyên-Đĩnh thứ 5 (112 trước công nguyên), Vệ-Ủy là Lộ-Bác-Đức xuất mười vạn quân qua đánh Nam-Việt, năm thứ sáu, mới đánh bại người Việt, lấy đất đó chia làm các quận: Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất-Lâm, Hợp-Phổ, Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam, Châu-Nhai và Đàm-Nhi, mỗi quận đặt Thái-thủ để cai trị.

Phần "Cổ tích"

Việt-Vương-Thành, tục gọi là thành Khả-Lũ, có một cái ao cổ, Quốc-vương mỗi năm lấy ngọc châu, dùng nước ao ấy rửa thì sắc ngọc tươi đẹp. Giao-Châu Ngoại-Vực-Ký chép: hồi xưa, chưa có quận huyện, thì Lạc-điền tùy theo thủy-triều lên xuống mà cày cấy. Người cày ruộng ấy gọi là Lạc-Dân, người cai-quản dân gọi là Lạc-Vương, người phó là Lạc-Tướng, đều có ấn bằng đồng và dải sắc xanh làm huy hiệu.

Vua nước Thục, thường sai con đem ba vạn binh, đi chinh phục các Lạc-Tướng, nhân đó cử giữ đất Lạc mà tự xưng là An-Dương-Vương. Triệu-Đà cử binh sang đánh. Lúc ấy có một vị thần tên là Cao-Thông xuống giúp An-Dương-Vương, làm ra cái nỏ thần, bắn một phát giết được muôn người.

Triệu Đà biết địch không lại với An-Dương-Vương, nhân đó trú lại huyện Võ-Ninh, khiến Thái-Tử Thuỷ làm chức trá hàng để tính kế về sau.

Lúc Cao-Thông đi, nói với vua An-Dương-Vương rằng: "Hễ giữ được cái nỏ của ta, thì còn nước, không giữ được thì mất nước".

An-Dương-Vương có con gái tên là My-Châu, thấy Thái-Tử Thuỷ lấy làm đẹp lòng, rồi hai người lấy nhau. My-Châu lấy cái nỏ thần cho Thái-Tử Thuỷ xem, Thuỷ xem rồi lấy trộm cái lấy nỏ mà đổi đi. Về sau Triệu-Đà kéo quân tới đánh thì An-Dương-Vương bại trận, cầm cái sừng tê vệt được nước vào biển đi trốn, nên Triệu-Đà chiếm cả đất của An-Dương-Vương. Nay ở huyện Bình-Địa, dấu tích cung điện và thành trì của An-Dương-Vương hãy còn.

Đại Việt sử ký (Lê Văn Hưu - 1272)

Năm 1272 Lê Văn Hưu viết xong bộ Đại Việt sử ký gồm 30 quyển. Hiện nay sách này đã thất truyền. Theo Trần Trọng Kim, quyển sử ấy chép việc từ Triệu Vũ Vương đến Lý Chiêu Hoàng.

Đại Việt sử lược (Khuyết danh - năm 1388)

Sách này đầu tiên kể đến Hoàng Đế, một vị vua truyền thuyết của Trung Hoa không thống thuộc được Giao Chỉ. Qua đời Trang Vương (696 - 682 TCN) thì vua Hùng xuất hiện. Phần truyền thuyết về họ Triệu trong An Nam Chí Lược đã được biên tập bớt hoang đường.

Cuối đời nhà Chu, Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi rồi lên thay.

Phán đắp thành ở Việt Thường, lấy hiệu là An Dương Vương rồi không cùng với họ Chu thông hiếu nữa.

Cuối đời nhà Tần, Triệu Đà chiếm cứ Uất Lâm, Nam Hải, Tượng quận rồi xưng vương đóng đô ở

Phiên Ngung, đặt quốc hiệu là Việt, tự xưng là Võ Vương.

Lúc bấy giờ An Dương Vương có thần nhân là Cao Lỗ chế tạo được cái nỏ liễn bắn một phát ra mười mũi tên, dạy quân lính muôn người.

Võ Hoàng biết vậy bèn sai con là Thủy xin sang làm con tin để thông hiếu.

Sau nhà vua đãi Cao Lỗ hơi bạc bẽo.

Cao Lỗ bỏ đi, con gái vua là My Châu lại cùng với Thủy tư thông. Thủy phỉnh My Châu mong được xem cái nỏ thần, nhân đó phá hư cái lẫy nỏ rồi sai người trình báo với Võ Hoàng. Võ Hoàng lại cất binh sang đánh. Quân kéo đến, vua An Dương Vương lại như xưa là dùng nỏ thần thì nỏ đã hư gãy, quân lính đều tan rã. Võ Hoàng nhân đó mà đánh phá, nhà vua ngậm cái sừng tê đi xuống nước. Mặt nước cũng vì ngài mà rẽ ra.

Đất nước vì thế mà thuộc nhà Triệu.

Câu cuối cùng trong phần trích trên là lí do căn bản để Đại Việt sử lược xếp nhà Triệu là một triều đại Việt Nam, kéo dài 93 năm với các đời vua: Triệu Vũ Đế, Triệu Văn Vương, Triệu Minh Vương, Triệu Ai Vương, Triệu Vệ Dương Vương.

Cái nhìn của biên sử Việt Nam với nhà Triệu và nước Nam Việt phải đặt trong toàn cảnh lịch sử chính trị - xã hội Việt Nam cùng thời. Dưới lăng kính tiến hóa chính trị và vận động xã hội mới nêu bật được những mâu thuẫn nội tại của sử sách Việt Nam và con người Việt Nam trên cùng một dữ liệu lịch sử.

Học giả người Nhật, Yumio Sakurai, qua nghiên cứu cách định cư và nông nghiệp thời Lý đã lập luận nhà Lý là một triều đại địa phương, nhiều thế lực địa phương khác đến thế kỉ 13 mới bị nhà Trần trấn áp hoàn toàn (1). Đây phải chăng là tàn tích của nạn "xứ quân" từ thế kỉ 10. Tuy vậy, tác giả bài này không tin rằng thế kỉ 13 mô hình nhà nước phân quyền kia đã được thay bằng công thức phong kiến tập quyền tuyệt đối. Bằng chứng nằm tại "Hịch tướng sĩ" năm 1284 của Trần Hưng Đạo. Mặc dù là "Tiết chế" thống lĩnh toàn quân, lời văn của Trần Hưng Đạo trong "hịch tướng sĩ" mang phong thái khuyến dụ hơn là quân lệnh bắt buộc phải tuân theo. Như vậy tại đỉnh cao đoàn kết chống ngoại xâm, ở thời thịnh trị nhất của nhà Trần, dấu vết phân quyền chưa phai nhạt thì không có lẽ nào đến khi Trần mất hình thức ấy có nhiều thay đổi.

Niên đại 1388 của Đại Việt sử lược là thời kì Trần mất. Lúc này một nhân vật lịch sử còn nhiều tranh cãi sắp bước lên vũ đài chính trị Việt Nam là Hồ Quý Ly. Các chính sách cai trị của họ Hồ một lần nữa khẳng định quyết tâm tập quyền của ông:

1. Làm tiền giấy, cải cách thuế má, thống nhất tài chính.
2. Định phục phẩm quan lại, cải tổ địa giới hành chính như đổi một vài lộ làm trấn, đặt thêm quan chức ở lộ, phủ, qui ước các lộ ghi chép sổ sách và đem về kinh báo cáo mỗi cuối năm.
3. Cải cách giáo dục, thi cử, đưa toán pháp vào quá trình chọn người tài v.v..

Với nhà nước phong kiến phân quyền, tính chính thống của kẻ mạnh nhất đặt trên cơ sở cầu phong Bắc phương. Tệ phân quyền ấy là căn nguyên của những hành động mà sau này sử sách Việt Nam gọi là "phản quốc": từ thời Trần qua đến đầu thời Lê, nhiều lần quý tộc Việt Nam sang Trung Hoa "rước giặc" về để mong thiết lập vương triều cho chi họ mình. Đến thời Hồ Quý Ly, việc nhập khẩu Nho Giáo vào Việt Nam đã hạ bệ tính chính thống kia và cố gắng chuyển việc cầu phong thành quan hệ ngoại giao, tuy chưa được bình đẳng nhưng cũng nói lên sự trưởng thành to lớn của đất nước Việt Nam.

Chính Hồ Quý Ly, chứ không ai khác đã đặt nền móng cho việc nhìn nhận lại nước Nam Việt và dòng họ Triệu trong dòng chảy lịch sử Việt Nam.

2. Các quan điểm sau năm 1400

Ở Đại Việt sử ký toàn thư (Ngô Sĩ Liên - dưới triều Lê Thánh Tông 1460 đến 1497), lần đầu tiên hiến sử Việt Nam truy nguyên gốc tích của mình từ kỷ Hồng Bàng với Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân rồi mới đến Hùng Vương, An Dương Vương và Triệu Vũ Vương

Lê Thánh Tông là ông vua đã rút ra được bài học nóng vội của Hồ Quý Ly, để áp dụng thành công đường lối chính trị Nho Giáo Trung Hoa vào đất nước Việt Nam. Nhu cầu "chính danh" đã đưa rất nhiều huyền thoại, cổ tích trong dân gian thành chính sử. Ngô Sĩ Liên được thay mặt trí thức Việt Nam đương thời trả lời câu hỏi "Ta là ai? Từ đâu tới?" cho dân tộc Việt Nam. Những quyền sử cũ chỉ được thêm vào chứ không bớt đi hoặc tách ra, và họ Triệu được đề yên cho đến khi xuất hiện Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ năm 1775:

Xét sử cũ: An Dương Vương mất nước, để quốc thống về họ Triệu, chép to 4 chữ: "Triệu Kỳ Vũ Đế". Người đời theo sau đó không biết là việc không phải. Than ôi! Đất Việt Nam Hải, Quế Lâm không phải là Đất Việt Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà khởi ở Long Xuyên, lập quốc ở Phiên Ngung, muốn cắt đứt bờ cõi, gộp cả nước ta vào làm thuộc quận, đặt ra giám chủ để cơ mi lấy dân, chứ chưa từng đến ở nước ta. Nếu coi là đã làm vua nước Việt, mà đến ở cai trị nước ta, thì sau đó có Lâm Sĩ Hoằng khởi ở đất Bàn Dương, Hưu Nghiễm khởi ở Quảng Châu, đều xưng là Nam Việt Vương, cũng cho theo Quốc kỷ được ư? Triệu Đà kiêm tính Giao Châu, cũng như Ngụy kiêm tính nước Thục, nếu sử nước Thục có thể đưa Ngụy tiếp theo Lưu Thiện, thì quốc sử ta cũng có thể đưa Triệu tiếp theo An Dương. Không thế, thì xin theo lệ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc vậy.

Với lý do này, Ngô Thì Sĩ đã loại họ Triệu khỏi chính sử Việt Nam. Ông gộp năm đời Triệu Vương thành một kỷ Ngoại thuộc, tương đương với các kỷ ngoại thuộc Hán, Tùy, Đường sau đó. Thực ra lý luận của Ngô Thì Sĩ mang tính nhất thời, trong cái nhìn địa phương hãn hữu. Ông phân biệt rạch ròi "*Than ôi! Đất Việt Nam Hải, Quế Lâm không phải là Đất Việt Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam*", nghĩa là Việt Nam ngày nay chẳng dính dáng gì đến cương vực bao la của Nam Việt khi xưa.

Vì không cùng quan điểm với họ Ngô nên Tự Đức vẫn cho Quốc Sử Quán ghi danh các vua Triệu như là tiên triều trong Khâm Định Việt sử thông giám cương mục (giữa TK 19). Hơn nữa lời phê của ông sau khi nhà Hán diệt nhà Triệu là câu trả lời dứt khoát: ngày xưa bờ cõi của tổ tiên ông bao gồm nhiều quận trong Giao Chỉ bộ!

Lời phê - *Xét chung từ trước đến sau, đất đai của nước Việt ta bị mất về Trung Quốc đã đến quá một nửa, tiếc rằng vua sáng tôi hiền các triều đại cũng nhiều người lỗi lạc hiếm có ở trên đời, mà vẫn không thể nào lấy lại được một tấc, đó là việc đáng ân hận lắm! Thế mới biết việc thu hồi đất đai đã mất, từ đời trước đã là việc khó, chứ không những ngày nay mà thôi. Thật đáng thương tiếc.*

Sau khi Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ thực dân năm 1945, nền sử học cộng sản non trẻ áp dụng ngay phép biện chứng duy vật lịch sử vào môn lịch sử. Tình cờ nhãn quan của Ngô Thì Sĩ rất hợp với quyết tâm xây dựng nền móng bản địa cho lịch sử Việt Nam, cộng với chủ

nghĩa dân tộc dâng cao, vấn đề Nam Việt và Triệu Đà giờ đây có thể tóm gọn trong một đoạn văn của Đào Duy Anh:

Nhà Triệu không phải là quốc triều

Sách Toàn thư, sau khi nêu lên quốc thống của ta bắt đầu từ Hồng Bàng Thị, đến Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, mười tám đời Hùng Vương, rồi đến Thục An Dương Vương, thì chép luôn nhà Triệu làm một triều đại chính thống. Các sử thần thời Lê, kể tục phurong pháp và quan điểm Lê Văn Hưu ở đời Trần (quan niệm lịch sử phản dân tộc) không thấy rằng Triệu Đà làm vua nước Nam Việt ở miền Quảng Đông, Quảng Tây, đối với nước Âu Lạc mà nghĩ xâm lược, chỉ là một tên giặc cướp nước chứ không phải là một đế vương chính thống. Mãi đến cuối đời Lê mới thấy có một nhà sử học là Ngô Thì Sĩ, tác giả sách Việt sử tiêu án, phản đối việc cho họ Triệu tiếp nối quốc thống của An Dương Vương. Có lẽ do ảnh hưởng của ý kiến ấy cho nên sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục của triều Nguyễn không chép riêng nhà Triệu làm một kỷ chính thống nữa, nhưng vẫn cứ chép cả lịch sử nhà Triệu vào phạm vi quốc sử của ta. Các nhà sử học tư sản của ta cũng chịu ảnh hưởng của quan điểm phản dân tộc ấy, cho nên Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim cũng chép kĩ càng về lịch sử nhà Triệu, và Những trang sử vẻ vang của Nguyễn Lân thì biểu dương Lữ Gia là trung thần của nhà Triệu làm vị anh hùng dân tộc đầu tiên của chúng ta. Đối với dân tộc ta thì Triệu Đà là giặc cướp nước, mà lịch sử của nhà Triệu ở nước Nam Việt không thể nằm trong phạm vi lịch sử Việt Nam (2).

Cố giáo sư Đào Duy Anh là ông thầy uyên bác của đa số các nhà sử học có tiếng Việt Nam hiện nay, nhóm người mê tín thuyết bản địa của văn hóa và văn minh Việt Nam. Nhưng trớ trêu, những tác phẩm nghiên cứu lịch sử quan trọng nhất trong sự nghiệp của ông Đào, lại khẳng định người Việt "có thể" di cư bằng thuyền đến đồng bằng sông Hồng sau khi nước Việt của Câu Tiễn bị xóa sổ thời Chiến Quốc (3)! Lời lẽ nặng nề của Đào Duy Anh ở trên, xét cho cùng mang khẩu khí chính trị nhiều hơn là tinh thần nghiên cứu trung thực, khách quan vốn luôn hiện hữu ở nhiều công trình mang tên ông.

3. Lời bình

Trong "Một cách tiếp cận những vấn đề cổ sử Việt Nam" tôi đã đưa ra giả thuyết mới về ngữ nghĩa của từ Âu Lạc. Thật may mắn, khi dùng giả định Âu Lạc = Đất nước = Non nước = Xứ sở trên chủ đề Nam Việt này thì mâu thuẫn của các nhà sử học Việt Nam phần nào sáng tỏ.

Quả tình, thuật ngữ Âu Lạc nếu không phải là tên của vương quốc do An Dương Vương lập ra, thì nó sẽ thống nhất một vùng đất rộng lớn là Quảng Tây, Quảng Đông và Bắc bộ Việt Nam thành một lãnh thổ khá tương đồng về văn hóa. Như vậy, nếu nhìn nhận cương giới của người dân Việt trước thời Triệu Đà gồm Quảng Đông, Quảng Tây và Bắc Bộ Việt Nam thì việc Nhà Triệu tiếp nối An Dương Vương như một triều đại chính thống là hợp lí. Bản thân An Dương Vương cũng đã "cướp nước" của các vua Hùng kia mà! Nếu đã loại Triệu Đà, nên chẳng loại luôn An Dương Vương, cùng xếp họ vào kỷ nội thuộc.

Rõ ràng cái gọi là "quan niệm lịch sử phản dân tộc" của cố Giáo sư Đào Duy Anh rất khiên cưỡng và khó đứng vững.

Nước Nam Việt cùng năm đời Việt Vương là một hiện hữu lịch sử không thể phủ nhận và có liên quan hữu cơ với lịch sử Việt Nam. Tài liệu xưa nhất đã nhắc đến nó và gần như cùng thời

với nó là Sử Kí của Tư Mã Thiên. Tuy nhiên do đặc điểm quá cô đặc, gầy gò của cổ văn Trung Hoa mà hiện hữu ấy không ngừng được tranh cãi, mổ xẻ, suy luận theo những chiều hướng nhiều khi mâu thuẫn đến hoàn toàn trái ngược.

Về phía Việt Nam, nước Nam Việt của Triệu Đà trong những trang sách còn phải ngụp lặn giữa quá trình tiến hóa nhận thức, xã hội và chính trị không ngừng của con người Việt Nam hàng ngàn năm qua. Giả sử nếu mai này thuyết các vua Hùng từng xuất phát từ Động Đình Hồ rồi di cư xuống đồng bằng sông Hồng qua Quảng Tây được chấp nhận rộng rãi, thì việc tái chấp nhận Triệu Đà như một vương triều phong kiến chính thống lại sẽ được đặt ra.

Nói cho cùng, càng nhiều suy biện, càng nhiều giả thuyết, càng nhiều nỗ lực cày xới trên những bình nguyên quá khứ mang tên hiến sử, chẳng qua cũng là việc phải làm vì sự phát triển sử học mà thôi. Không bao giờ nên để các trang sử bất biến. Tĩnh tức là tử. Không chỉ có ngày hôm qua là đối tượng nghiên cứu của lịch sử, mà bản thân khoa học lịch sử cũng rất cần phân luận, bởi nó là gương mặt, là tư duy, là trình độ phát triển, là thước đo vận động (tiến hoặc lùi) của chính thời đại dung dưỡng nó.

Thung lũng Đa Thiện,
Đà Lạt 12.2005

Chú thích

- (1) Dẫn theo Keith W. Taylor - Quyền uy và tính chân chính ở Việt Nam thế kỉ thứ 11. NXB Trẻ 2001.
- (2) Đào Duy Anh - Lịch sử cổ đại Việt Nam, trang 93-94, NXB Văn hóa - Thông tin, 2005.
- (3) Xem sđd

Công chúa Đông Đô, Hoàng hậu Phú Xuân Nàng là ai ?

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Trên dưới hai trăm năm nay, trong dân gian thường truyền tụng câu ca dao:

*Gái đâu có gái lạ đời
Con vua lại lấy hai đời chồng vua*

Con vua đây là con vua Hiến tông triều Hậu Lê. Nhà Hậu Lê đóng đô ở Hà nội ngày nay, thời bấy giờ gọi là Đông đô. Nàng là công chúa Đông đô. Hai đời chồng vua thì một đời chồng là vua nhà Nguyễn Tây Sơn, còn đời chồng kia là vua sáng lập nhà cữ Nguyễn. Cả hai triều vua Nguyễn Tây Sơn và cữ Nguyễn đều đóng đô ở thành phố Huế ngày nay, thời bấy giờ gọi là Phú Xuân. Nàng là Hoàng hậu Phú Xuân. Vậy nàng là công chúa Đông đô, Hoàng hậu Phú Xuân. Nàng quả là một nhân vật phi thường. Nàng là ai vậy?

Trong lịch sử cận đại Việt Nam, hễ nói đến công chúa con vua mà lại lấy chồng vua, làm hoàng hậu, là người ta nghĩ ngay đến công chúa Lê Ngọc Hân, con vua Lê Hiến tông, gả làm vợ vua Quang Trung nhà Nguyễn Tây Sơn. dựa vào câu hát dân gian trên đây, người ta lại cho rằng sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, công chúa Lê Ngọc Hân được vua Gia Long lập làm Đệ Tam cung, cho nên bà là công chúa mà lại lấy chồng hai lần, cả hai đời chồng đều là chồng vua cả. Lại cũng có truyền thuyết cho rằng sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, chung cục của Lê Ngọc Hân vô cùng bi thảm. Bà đã cùng hai con trốn tránh được một thời gian rồi bị bắt và bị xử cực hình.

Sự thực như thế nào? Nàng công chúa Đông đô, Hoàng hậu Phú Xuân đích thực là ai vậy?

Công chúa Lê Ngọc Hân sinh năm 1771, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32, là công chúa thứ 21 con vua Hiến Tông nhà Hậu Lê. Bà mẹ công chúa Lê Ngọc Hân tên là Nguyễn Thị Huyền, người làng Phù Ninh, huyện Đông ngàn, tỉnh Bắc ninh. Công chúa Lê Ngọc Hân là em Thái tử Lê Duy Vỹ và là cô Hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ tức là người sau này lên nối ngôi vua Lê lấy niên hiệu là Chiêu Thống. Khi Nguyễn Huệ làm tiết chế, thống lĩnh quân đội Tây Sơn ra đánh Bắc Hà với danh nghĩa "Phù Lê diệt Trịnh" vào năm 1786 thì công chúa Lê Ngọc Hân mới 16 tuổi. Vì Nguyễn Huệ một phần nào cũng có bụng tôn phù nhà Lê, mặt khác do sự mối mai thu xếp của Nguyễn Hữu Chỉnh muốn bắc cầu thân gia giữa vua Lê Hiến tông và Tiết chế Nguyễn Huệ, nên vua Lê Hiến tông đã đem công chúa Lê Ngọc Hân gả cho Nguyễn Huệ và phong Nguyễn Huệ làm Nguyên sủy dực chính phù vận Uy Quốc công.

*Từ cò thăm trở vời đất bắc
Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương
Rút dây vằng mệnh phụ hoàng
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu quy*

Hai vợ chồng Nguyễn Huệ lưu lại Đông đô một thời gian ngắn. Sau khi vua Lê Hiển tông băng hà, công chúa Lê Ngọc Hân theo chồng về Phú Xuân. Đến năm 1789, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, phong cho công chúa Lê Ngọc Hân làm Bắc Cung Hoàng hậu. Thế là nàng công chúa Đông đô đã trở thành Hoàng hậu Phú Xuân.

Điều cần lưu ý là vua Quang Trung có đến hai bà Hoàng hậu được tấn phong cùng một lúc. Ngoài Bắc cung Hoàng hậu họ Lê, vua Quang Trung còn có Chính cung Hoàng hậu họ Phạm. Theo Tây Sơn Tiềm Long lục, bà Hoàng hậu họ Phạm này tên là Phạm Thị Liên, người Bình Định, là anh em ruột với Hộ giá Phạm Văn Ngạn, Giả vương Phạm Văn Trị, Thái úy Phạm Văn Tham và Thái úy Phạm Văn Hưng. Bà Phạm Thị Liên lại còn là anh em cùng mẹ khác cha với Thái sư Bùi Đắc Tuyên và Hình bộ Thượng thư Bùi Văn Nhật.

Chính cung Hoàng hậu họ Phạm sinh hạ được 5 người con: 3 trai, 2 gái. Người con trai lớn là Quang Toản, còn có tên là Quang Bình, về sau nối ngôi nhà Tây Sơn, tức là vua Cảnh Thịnh. Hai người con trai kia thì một người tên là Quang Bàn, được phong Tuyên công Lãnh Đốc Trấn Thanh hóa, một người tên là Quang Thiệu được cử làm Thái tử. Hai người con gái thì một người lấy Phò mã Nguyễn Văn Trị, còn một người thì gả cho Nguyễn Phước Tư là Tôn thất Hệ nhất nhà cựu Nguyễn. Vua quang Trung rất mực kính trọng bà Chính cung Hoàng hậu họ Phạm này. Theo các tài liệu của Phái bộ Truyền giáo Nam Hà, nhất là lá thư của giáo sĩ Girard đề ngày 25-11-1792 gửi giáo sĩ Boiret ở Macao, thì khi hoàng hậu lâm bệnh, vua Quang Trung đã cho mời thầy thuốc người Âu đến chữa bệnh và đến khi hoàng hậu mất thì nhà vua đau đớn vật vã đến phát điên phát cuồng. Bà mất ngày 29-3-1791 mà mãi đến ngày 25-6 năm đó mới đưa đi chôn cất. Bà được truy tặng là Nhân Cung Đoan Tĩnh Trinh Thục Nhu Thuần Vũ Hoàng Chính Hậu.

Về phần Bắc cung Hoàng hậu họ Lê, bà là lá ngọc cành vàng, quê ngoại lại là xứ Kinh Bắc tài hoa văn vật, nên bà là một phụ nữ thông minh, đức hạnh và nhan sắc, thật là vẹn toàn mọi vẻ. Ngày mới thành hôn với Nguyễn Huệ, trên đường đi báii yết các tiên đế ở Thái miếu trở về, Nguyễn Huệ hỏi bà: "Các hoàng tử và công chúa, mấy ai được vinh hạnh như nàng, được thành thân với ta, nàng cảm thấy như thế nào?" Tuy mới 16 tuổi đầu, công chúa Lê Ngọc Hân đã tỏ rõ là người giỏi ứng đối: "Nhà vua quen sống đạm bạc, bổng lộc ít ỏi, các hoàng tử và công chúa đều thanh bạch, nay thiếp được nâng khăn sửa túi cho chúa công, cũng tỷ như giọt nước trên không trung rơi vào nơi lầu son gác tía, thân phận thiếp quả là may mắn hơn cả." Nguyễn Huệ rất đẹp lòng.

Bà có nhiều ảnh hưởng trong các quyết định quan trọng của Nguyễn Huệ. Khi vua Lê Hiển tông băng hà, Nguyễn Huệ đã nghe lời công chúa Lê Ngọc Hân, có ý muốn lập Sùng Nhượng công Duy Cận lên ngôi thiên tử. Nhưng hoàng tộc nhà Lê vì việc đó mà đòi tước bỏ sổ bộ của công chúa. Nguyễn Huệ lại theo lời bà mà chịu lập Hoàng tử tôn Duy Kỳ lên ngôi vua.

Vừa thông minh, vừa khôn khéo, trong thời gian làm Hoàng hậu ở Phú Xuân, công chúa Lê Ngọc Hân chẳng những chỉ làm đẹp lòng Đức chí tôn mà còn khuynh loát cả triều đình như chúng ta sẽ thấy về sau này ảnh hưởng của bà lớn lao như thế nào trong việc tuyển chọn hoàng hậu cho vua Cảnh Thịnh. Thật vậy, bà đã quyết định đem em gái là công chúa Lê Ngọc Bình, cũng là công chúa con vua Lê Hiển tông như bà, vào làm chính cung cho Hoàng đế nối nghiệp nhà Tây Sơn là vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản.

Công chúa Lê Ngọc Hân lấy Nguyễn Huệ năm 1786, thụ phong Bắc cung Hoàng hậu năm 1789. Bà sinh hạ một trai là Nguyễn Văn Đức và một gái là Nguyễn Thị Ngọc. Công chúa Lê Ngọc Hân mất năm 1799, đương triều vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn. Năm đó bà mới 29 tuổi. Bà được truy tặng là Như Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Bà là người vừa giỏi văn quốc âm, vừa thông sách Hán tự. Lúc vua Quang Trung còn sống, bà thường giảng giải kinh điển cho nhà vua nghe. Vua Quang Trung cử hành lễ Tứ tuần Vạn thọ Khánh tiết, bà dâng bài biểu mừng như sau:

"Tư ngộ thiên thọ khánh tiết, thanh thiên ứng luật, hôn chữ tại thì. Ngọc thụ phiêu hương, bích đào hiển trường sinh chi quả; ngân thiềm thổ diễm, băng hồ khai phục đán chi hoa. Tử ái nùng nhi khuê các đẳng phương, thủy khí sáng nhi vu huy tăng sắc. Cầm phụng biểu xưng hạ giả. Phục dĩ thủy khí trình tường, thông uất phụng lân chi thái; quang thiên xiển lãng, chiếu hồi Dục chấn chi hư, Quế điện truyền hương; tiêu đình dật khánh. Khâm duy Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cổ, đức phối lưỡng nghi. Cung thiên phi chấn vũ công. Tây thổ bí hưng vương chi sự nghiệp; thì hạ tứ trần ý đức, đông giao hoàn định quốc chi qui mô. Xích nhật minh nhi ngưng nhược hữu phu; thọ tinh diêu nhi chiêm y cộng ngưỡng. Thần Xu điện nhiều quang phù Vạn Thọ chi bôi; xương hạp vân khai dinh triệt thiên thu chi kính. Tứ tự thường điều ngọc chúc, ức niên vĩnh diện kim âu. Thần đức thiêm Quan thư, nhân tâm Cưu mộc. Trung khốn cận bồi chân tọa, bá chiêm bát thiên xuân sơ kỷ chi tiên trù; nội đình mật nhĩ thiều âm, cần chúc thiên vạn tuế vô cương chi đỉnh tộ."

(Nay gặp khánh tiết mừng tuổi thọ của Hoàng đế, khúc nhạc Thanh thương ứng luật hợp tiết, còn hoa đang độ. Cây ngọc đưa hương, cây bích đào dâng quả trường sinh; trăng bạc nhả ánh trắng trong, hồ băng lại nở hoa buổi sáng. Mây mù sắc tía nồng đượm mà khuê phòng hương nức; khí lành sáng tỏ mà áo xiêm thêm màu. Kính cẩn dâng bài biểu chúc mừng. Cúi lấy khí lành trình diễm tốt, tung bùng màu sắc con phụng con lân; đầy khắp thiên hạ chiếu về cõi hư không sao Dục sao Chấn. Điện quế truyền hương; sân tiêu tràn điều mừng. Kính nghĩ Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cổ, đức hợp với Trời và Đất. Cung kính thi hành sự trừng phạt của Trời lớn lao chấn động vũ công, đất Tây Sơn đẹp để hưng sự nghiệp đế vương; trần bày đức đẹp vào bản nhạc ca vĩ đại, ở cõi giao phía đông đã định xong qui mô của nước nhà. Mặt trời đỏ rạng mà nghiêm đáng tin (quẻ quan); sao thọ tinh chiếu sáng mà thiên hạ đều cùng ngưỡng lên trông mong nương tựa (thiên Tiểu biên, phần Tiểu nhĩ trong Kinh Thi). Sao xu của Bắc đẩu điện vây, ánh sáng nổi lên chen mừng Vạn thọ; cửa Trời mây mở, sắc trong thấu triệt mặt kính ngàn thu. bốn mùa thường điều hoà khiến cái đức của vua đẹp như ngọc sáng như đuốc; trong ức năm mãi vững chiếc lọ vàng.

Hạ thần đức then với thơ Quan Thư, nhân ngưng với thơ Cưu mộc. Trong nội thất theo hầu kẻ cùng ngồi mặc đồ lông lầy, vái mong tính theo tuổi thiên niên kỷ khởi đầu của tuổi Bệ hạ một mùa xuân tám ngàn năm; chôn nội đình kẻ sát nghe nhạc thiều, ân cần chúc phước của quốc gia được ngàn muôn năm vô hạn)

(Nam Phong Tạp chí, số 103, năm 1926, phần Hán văn, bản dịch của Tạ Quang Phát)

Công chúa Lê Ngọc Hân vừa thông Hán tự, vừa giỏi quốc văn. Lúc hoàng đế Quang Trung băng hà vào ngày 15 tháng 9 năm 1792, bà mới có 22 tuổi. Bà chỉ mới chung sống với nhà vua vồn vẹn có 6 năm trời, có được hai mặt con. Làm sao có thể tưởng tượng hết tâm trạng thống khổ của bà lúc bấy giờ. Rất may cho hậu thế là bà có soạn một bài văn tế bằng quốc âm đề tế nhà vua. Trong nỗi bất hạnh lớn lao của công chúa Lê Ngọc Hân là cái may mắn tột cùng của nền văn học nước nhà. Bà đã để lại cho đời sau bài Ai Tư Văn mà tất cả chúng ta đều đã biết. Tuy không thể so sánh ngang hàng với truyện Kim Vân Kiều hay Khúc

Ngâm Chinh Phụ, nhưng bài Ai Tư Văn cũng là một áng văn rất đáng trân trọng, cũng là một vật báu trong kho tàng văn học nước nhà. Trong bài điều văn có nhiều câu nhiều chữ đọc lên như oán như than, khiến người thưởng lãm cũng thấy nao lòng. Phải là người trong cuộc, và tâm hồn hết sức tinh tế, tình cảm hết sức bén nhạy, mới có thể giải bày tâm trạng bi thương thành những lời thơ nào nùng điếm tuyệt nhường ấy! Nỗi buồn nào lê thê bằng nỗi buồn của người góa phụ còn trẻ đau đớn than van về cái chết đột ngột của người chồng vương giả tài cao mà mệnh đoản:

*Khi trận gió hoa bay thấp thoáng
Ngõ hương trời bằng lãng còn đâu
Vội vàng sửa áo lên châu
Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện giăng!*

và niềm xót xa nào bi thiết hơn niềm xót xa của người mẹ trẻ vì thương con còn trứng nước mà chưa thể liềm thân cjo vẹn chữ tông:

*Quyết liềm mong vẹn chữ tông
Trên rường nào ngại, giữa giòng nào e
Còn trứng nước thương vì đôi chút
Chữ thân tình chưa thoát được đi*

Công chúa Lê Ngọc Hân là người tài sắc vẹn toàn. Bà sinh trưởng nơi chốn điện ngọc đèn vàng, đã là công chúa con vua lại lấy chồng làm vua. Sau khi Hoàng đế Quang Trung băng hà, Hoàng thái tử Quang Toàn lên kế vị, lấy niên hiệu là Cảnh Thịnh. Tuy vua Cảnh Thịnh là con của bà Vũ hoàng Chính hậu họ Phạm, nhưng lúc bấy giờ bà này đã mất, nên công chúa Lê Ngọc Hân được tôn lên ngôi vị Hoàng Thái hậu. Hơn nữa, bà lại còn là chị ruột của công chúa Lê Ngọc Bình lúc bấy giờ là Hoàng hậu vợ vua Cảnh Thịnh. Trong chốn nội đình, địa vị của bà như vậy có thể nói là tốt cùng tôn quý. Tuy nhiên, trong thời gian vua Cảnh thịnh mới lên ngôi, quyền lực trong triều bị thu tóm vào tay Thái sư Bùi Đắc Tuyên và gia đình họ Bùi, gây nên tình trạng bè phái chia rẽ, và công chúa Lê Ngọc Hân đã rất đau lòng.

Thật vậy, nhóm quyền thần gốc Bình Định của Thái sư Bùi Đắc Tuyên và Thái phó Trần Quang Diệu đã chèn ép các bề tôi cũ của vua Quang Trung gốc Thuận hóa và Bắc Hà, gây nên việc Trần Văn Kỷ bị đi đày. Ngô Văn Nhậm, Phan Huy Ích bị thất sủng, khiến Ngô Văn Sở bỏ chạy theo Nguyễn vương, tất cả những điều đó đã làm cho cuộc sống công chúa Lê Ngọc Hân phải trải qua một giai đoạn giao động. Nhưng sau cuộc chinh lý của Tư đồ Võ Văn Dũng, cha con Bùi Đắc Tuyên, Bùi Đắc Trụ bị trầm hà, phe phái lộng thần bị dẹp tan, triều đình trở lại ổn định, bên trong Tư đồ với Thái phó giảng hòa, bên ngoài dân chúng liên tiếp mấy năm được mùa, thì nỗi lòng công chúa Lê Ngọc Hân cũng vui bớt chút ưu tư về thế cuộc, chỉ còn chịu nặng niềm thương nhớ người chồng tài cao mà mệnh đoản:

*Theo buổi trước ngự đèo Bông Đảo
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân
Theo xa xôi lại theo gần
Theo phen điện quế, theo làn nguồn hoa.*

và nỗi xót xa hai đứa con còn trứng nước sớm lâm cảnh cô cút mà thôi:

*Gót lân chỉ mấy hàng lẩm chằm
Đầu mũi mao mình tấm áo gai
U ơ ra trước hương đài
Trông quang cảnh ấy chưa cay đường nào.*

Năm Kỷ Mùi (1799), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 7, công chúa Lê Ngọc Hân mất, hưởng dương 29 tuổi. Lễ bộ Thượng thư Đoan Nham hầu Phan Huy Ích phụng chỉ soạn bài văn tế cho Hoàng đế Cảnh Thịnh đích thân đọc trước linh sàng Hoàng thái hậu họ Lê. Bà được truy tặng là Như Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Bài văn tế này đã được Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm tìm thấy và công bố trên tạp chí Tri Tân vào năm 1943 tại Hà nội.

Vậy rõ ràng công chúa Lê Ngọc Hân đã mất tại Phú Xuân, đương triều vua Cảnh Thịnh. Tuy vậy, chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân vẫn là một đề tài cho nhiều câu chuyện thành văn hoặc truyền khẩu khác nhau, nhiều khi trái ngược nhau là đằng khác. Nguyên do là sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, con cháu nhà Tây Sơn bị tuyệt diệt, các tài liệu về nhà Tây Sơn bị cấm tàng trữ, nên chẳng còn ai có cơ hội và phương tiện nghiên cứu thân thế và sự nghiệp các nhân vật thời Tây Sơn một cách chính xác và rõ ràng. Các tài liệu về nhà Tây Sơn được lưu hành chỉ thuần một loại là các sử liệu của Quốc Sử Quán triều Nguyễn mà thôi. Hơn nữa, những người đặt chuyện đã sử lại có thói quen dệt gấm thì thường thêm hoa, để cho câu chuyện đượm phần ly kỳ hấp dẫn. Bởi những lẽ đó mà chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân được kể lại trong các câu chuyện thành văn hay truyền khẩu đã không đúng với sự thật. Không có câu chuyện nào kể rằng công chúa Lê Ngọc Hân đã chết khi nhà Tây Sơn đang còn trị vì ở Phú Xuân. Ngay cả việc ông Hoa Bằng trên tạp chí Tri Tân năm 1943 xuất bản tại Hà nội đã công bố bài Văn tế Vũ Hoàng hậu do Phan Huy Ích phụng chỉ vua Cảnh Thịnh viết để nhà vua đích thân đọc trước linh sàng công chúa Lê Ngọc Hân, cũng chẳng thay đổi được tình trạng ngộ nhận nói trên. Từ 1943 đến nay, các huyền thoại về công chúa Lê Ngọc Hân truyền tụng trong dân gian cũng như các truyện đã sử viết về chung cục công chúa Lê Ngọc Hân xuất hiện trên sách báo vẫn cứ một chiều đi theo con đường cũ sai lạc bấy lâu nay. Những truyền thuyết và chuyện đã sử về công chúa Lê Ngọc Hân từ trước đến nay có thể xếp vào hai loại. Loại thứ nhất nói rằng sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, công chúa Lê Ngọc Hân đã đưa hai con đi trốn, sống trà trộn trong dân chúng được một thời gian rồi rốt cục cũng bị phát hiện và bị giải về Huế xử cực hình. Loại thứ hai nói rằng sau khi diệt nhà Tây Sơn, vua Gia Long đã sách lập công chúa Lê Ngọc Hân làm Đệ Tam cung, và bà đã có hai con với nhà vua là các hoàng tử Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương mà từ đường đến nay vẫn còn ở ngoại ô thành phố Huế.

Những truyền thuyết và chuyện đã sử về chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân thuộc loại thứ nhất thì đại thể về nội dung đều giống nhau, có khác biệt là chỉ khác biệt về địa điểm đi lánh nạn mà thôi. Sau khi nhà Tây Sơn mất, công chúa Lê Ngọc Hân đem hai con chạy trốn vào Quảng nam, sống trà trộn trong dân chúng được một thời gian, cuối cùng bị phát hiện, bị bắt đưa về Phú Xuân và bị xử án tam ban triều đình.

Nhiều truyền thuyết khác thì nói rằng công chúa Lê Ngọc Hân đem các con chạy trốn vào quê chồng ở Bình Định, rồi cũng bị bắt và cũng bị xử cực hình như đã nói ở trên. Trong những thập niên 60, 70 lại có những câu chuyện ly kỳ hơn về chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân, cả thành văn lẫn truyền khẩu, theo đó thì công chúa Lê Ngọc Hân đã mang các con chạy trốn vào tận Đồng nai Gia định, nhờ đó mà tránh được tai mất và nanh vuốt kẻ thù. Nhiều câu chuyện truyền miệng lại còn đi xa hơn, kể rằng sau khi nuôi dạy các con khôn lớn nên người, công chúa đã thí phát, tu hành đắc đạo và trở thành Giáo chủ của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Nhiều người trong Nam mang họ Nguyễn lại tự nhận là hậu duệ của Hoàng tử Nguyễn Văn Đức - con Đại đế Quang Trung và Vũ Hoàng hậu Lê Ngọc Hân. Gần đây, ở hải ngoại lại có một vài tác giả viết đã sử về chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân, viết rằng sau khi Đông đô thất thủ, nhà Tây Sơn mất ngôi, công chúa đã đem hai con chạy trốn về một

vùng quê hẻo lánh ở Hải dương, sống lén lút trà trộn trong dân chúng được một thời gian rồi rút cục cũng bị phát hiện, bị bắt và bị giải về Phú Xuân lãnh án tử hình.

Tất cả những câu chuyện về chung cục bi thương huyền hoặc của công chúa Lê Ngọc Hân là hoàn toàn không phù hợp với sự thật lịch sử bởi một lẽ giản đơn và rõ ràng là công chúa Lê Ngọc Hân đã chết khi nhà Tây Sơn chưa mất ngôi. Công chúa Lê Ngọc Hân mất vào năm 1799, dưới triều vua Cảnh Thịnh, nghĩa là trước khi kinh thành Phú Xuân thất thủ. Công chúa Lê Ngọc Hân đã được truy tặng là Như Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Công chúa Lê Ngọc Hân đã được ma chay tống táng tại kinh thành theo đúng nghi thức vương giả dành cho một bậc mẫu nghi thiên hạ. Bằng chứng hùng hồn là bài văn tế Vũ Hoàng Hậu tìm thấy trong Dụ Am Văn Tập của Phan Huy Ích mà Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm đã công bố trên tạp chí Tri Tân vào năm 1943 tại Hà nội. Công chúa Lê Ngọc Hân đã chết đương thời vua Cảnh Thịnh trị vì thì làm gì có câu chuyện công chúa Lê Ngọc Hân phải lâm cảnh bôn ba lưu lạc sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi.

Về phần hai người con của công chúa Lê Ngọc Hân thì một nhà truyền giáo Tây phương thời bấy giờ tên là L. Barizy đã cho biết là cả hai đều bị Nguyễn vương bắt lúc thành Phú Xuân thất thủ, không kịp chạy theo vua Cảnh Thịnh ra Bắc hà. Giáo sĩ L. Barizy đã nhận diện và không tiếc lời ca ngợi khuôn mặt tuấn tú và thái độ cứng cỏi của hai đứa trẻ khi bị xử tử hình vào năm 1802, cùng một lần với vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản. Như vậy, hai người con của công chúa Lê Ngọc Hân đều đã bị yểu vong thì làm gì có câu chuyện hậu duệ của công chúa còn nối dõi tới bây giờ.

Các truyền thuyết và truyện dã sử về chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân thuộc loại thứ hai so với những câu chuyện trên đây thì ly kỳ hơn và chứa đựng nhiều tình tiết hư cấu xoay quanh các sự kiện lịch sử có thật. Thí dụ có chuyện kể rằng đầu năm Tân Dậu 1801, Nguyễn vương theo kế sách "Tượng kỳ khí xa" của Nguyễn Văn Thành, đã bỏ rơi Võ Tánh bị vây trong thành Bình Định để đem toàn lực ra đánh úp Phú Xuân. Ngày mùng 1 tháng 5 năm Tân Dậu, Nguyễn vương vào cửa Tư Dung, đến tối vượt phá Hà trung tiến chiếm bên đò Trùng Hà, ngày hôm sau đánh tan quân của vua Cảnh Thịnh ở cửa Eo và sáng ngày mùng 3 tháng 5 đem đại binh vào thành Phú Xuân dụng quân thần tốc đến độ vua Cảnh Thịnh thua chạy không kịp mang theo gia quyến. Tối hôm mùng 3 tháng 5 năm Tân Dậu, Nguyễn vương đi tuần tra trong thành và đã gặp người thiếu phụ vương giả để rồi nên duyên vợ chồng.

Lại có chuyện kể rằng khi vua Gia Long quyết định sách lập công chúa Lê Ngọc Hân làm Đệ Tam cung, triều thần có người can gián, cho rằng công chúa chỉ là vật dư thừa của Tây Sơn, và nhà vua đã trả lời rằng chúng ta tiêu diệt Ngụy Tây thì giang san này, thành quách này, nhất nhất há chẳng phải lấy lại từ tay Ngụy Tây hay sao, như thế cũng là vật dư thừa của Tây Sơn vậy. Lại có chuyện kể rằng sau khi vua Gia Long băng hà, Quảng Oai cộng yếu tử, Thường Tín Quận vương đã lập phủ đệ riêng, thì Đệ Tam cung Lê Ngọc Hân lui về dưỡng già tại quê mẹ ở Bắc ninh cho đến lúc lâm chung. Tình cảnh công chúa "vinh diệu một đời có thể nói là cùng tốt, thế mà trong những ngày xế bóng lưu lạc nơi quê ngoại, tưởng tới chuyện xưa cảnh cũ, há chẳng nao lòng mà than thở cho Tạo vật đã khéo trêu ngươi, không có việc gì lại không xảy ra được khiến phát sinh nỗi cảm khái vô cùng cho cuộc sống phù du!"

(Hậu húa Bắc quy từng mẫu thị hương quán trú ở Bắc ninh nhi chung yên. Khảo chúa tiểu tác vi hoàng nữ, trưởng tác vi hoàng hậu, kế vị hoàng thái hậu. Kỳ nhất sinh chi vinh diệu khả vị cực hỉ. Cập kỳ văn niên bất miễn ư lưu lạc, tưởng Chúa ư thử thì phủ kim tư tích, xúc cảnh

hung hoài, ninh bất trưởng nhiên thán Tạo vật chi lộng nhân, mỹ sở bất chí, nhi sinh vô cùng chi cảm khái tai!)

(Ngọc Hân công Chúa đặt sự, Nam Phong Tạp chí, số 103, 1926)

Nhưng độc đáo hơn hết, phải kể đến bản gia phả của họ Nguyễn hoàng tộc. Đó là cuốn Hoàng Triều Ngọc Phả, bản quốc ngữ, do Tôn Nhân Phủ biên soạn và ấn hành dưới triều vua Thành Thái. Trong cuốn sách này, ở các chương nói về Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương con vua Gia Long, rõ ràng mẹ đẻ của ngài được ghi là Công chúa Lê Ngọc Hân, con vua Hiến Tông nhà Hậu Lê. Thật là rõ ràng và chính xác như một cộng một là hai, như hai cộng hai là bốn, không còn bàn cãi gì nữa cả. Người viết đã chính mắt được đọc những dòng chữ đó vào năm 1988 tại nhà nhạc phụ, sách do ông Tôn Thất Yên đưa cho mượn. Ông Tôn Thất Yên lúc bấy giờ là người được hội đồng Nguyễn Phước tộc ủy thác điều hành công việc thường ngày của Hội đồng Nguyễn Phước tộc ở Sài Gòn, và được hội Trung Việt Ái hữu ủy thác trông nom quản lý nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức.

Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương là những nhân vật có thật, tuy rằng Quảng Oai công yếu tử và Thường Tín Quận vương ngày nay không có con cháu nối dòng, nhưng từ đường các ngài hiện nay ở vùng ven đô Huế vẫn còn hương khói, các bài phiên hệ thi về phần các ngài vẫn còn được truyền tụng, vì vậy việc gia phả hoàng tộc do Tôn Nhân Phủ ấn hành ghi rằng mẹ đẻ các ngài đích thị là công chúa Lê Ngọc Hân là một sự kiện không thể không lấy làm trọng yếu hàng đầu trong việc nghiên cứu chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân.

Vậy thì vấn đề được đặt ra là công chúa Lê Ngọc Hân có lấy vua Gia Long hay không. Nếu công chúa Lê Ngọc Hân không lấy vua Gia Long thì không còn có vấn đề công chúa Lê Ngọc Hân được sách lập làm Đệ Tam cung, cũng như không còn có sự kiện công chúa Lê Ngọc Hân là mẹ đẻ các hoàng tử Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương. Mà chúng ta đã biết đích xác là công chúa Lê Ngọc Hân chết vào năm 1799, dưới triều vua Cảnh Thịnh, khi nhà Tây Sơn chưa mất ngôi, vậy thì khi vua Gia Long tiến quân vào thành Phú Xuân tháng 5 năm Tân Dậu, dương lịch 1801, thì công chúa Lê Ngọc Hân đã mất trước đó hai năm, hình hài đã nằm sâu dưới lòng đất lạnh, thì làm sao sống lại kết duyên vợ chồng với vị vua chiến thắng. Bởi lẽ đó, những câu chuyện thêu dệt chung quanh việc công chúa Lê Ngọc Hân lại một lần nữa lấy chồng vua là hoàn toàn không có căn cứ, là hoàn toàn sai sự thật.

Nhưng còn cuốn ngọc phả bản quốc ngữ của Tôn Nhân Phủ đã khẳng định công chúa Lê Ngọc Hân là mẹ đẻ của Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương? Xin thưa ngay rằng cuốn gia phả này là bản quốc ngữ, không phải bản Hán văn, lại không phải do Quốc sử quán biên soạn mà là tác phẩm phiên dịch của Tôn Nhân Phủ từ bản Hán văn cũng của Tôn Nhân Phủ mà ra, mà bản Hán văn này thì trong các chương nói về Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương đã viết rằng mẹ các ngài là công chúa Lê Ngọc, con vua Hiến Tông nhà Hậu Lê. Cái lối hành văn cổ điển bằng Hán tự thì có khi nào nêu rõ tục danh đâu. Mà tác giả bản Hán văn khi viết rằng mẹ các ngài là công chúa Lê Ngọc, con vua Hiến tông nhà Hậu Lê, thì đã chắc đâu muốn khẳng định rằng đó là công chúa Lê Ngọc Hân. Biết đâu tác giả bản Hán văn muốn nói đến một nàng công chúa Lê Ngọc khác, cũng con vua Hiến tông nhà Hậu Lê? Mà điều này thì những người phiên dịch ra quốc ngữ đã không hề hay biết, lại thêm nặng tình tâm học, viết lách trình bày việc gì cũng muốn tách bạch rõ ràng nên đã phiên dịch nhóm chữ "Công chúa Lê Ngọc, con vua Hiến tông" thành "Công chúa Lê Ngọc Hân, con vua Hiến Tông" theo sở kiến chủ quan của mình.

Như vậy rõ ràng hai hoàng tử Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương, con vua Gia Long, đích thực là cháu ngoại vua Hiến Tông nhà Hậu Lê. Chỉ vì bản quốc ngữ do sở kiến chủ quan của người phiên dịch đã khẳng định mẹ đẻ hai ngài là công chúa Lê Ngọc Hân thay vì cứ để là công chúa Lê Ngọc như nguyên bản Hán tự, nên mới nảy sinh ra điểm phi lý là người đã chết mấy năm trước đó bây giờ còn đâu mà lại lần nữa đi lấy chồng để rồi sinh dặng hai con trai. Lại nữa cuốn Hoàng Triều Ngọc Phả của Tôn Nhân Phủ là gia phả thành văn của Nguyễn Phước tộc, là tài liệu chính thức về phả hệ hoàng phái, không thể nào được trước tác tùy tiện và thiếu chính xác được. Bởi vậy, Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương đích thực là cháu ngoại vua Hiến Tông nhà Hậu Lê, mẹ là công chúa Lê Ngọc, nên trong gia phả mới ghi chép rõ ràng như vậy. cũng không thể có trường hợp thấy sang bắt quàng làm họ, thấy công chúa con vua lá ngọc cành vàng bèn nhận càng là bên ngoại cho thêm phần vẻ vang, bởi một lẽ giản đơn họ Nguyễn cũng là đại quý tộc, đã ở ngôi chúa Nam Hà ba trăm năm rồi, và hiện tại đang giữ ngôi vua thống nhất thiên hạ. cho nên một khi mà Hoàng Triều Ngọc Phả của Tôn Nhân Phủ đã ghi chép như vậy thì Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương con của vua Gia Long đích thực là cháu ngoại vua Hiến tông nhà Hậu Lê. Nhưng nếu đã khẳng định rằng mẹ đẻ của Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương không phải là công chúa Lê Ngọc Hân thì đương nhiên phải nêu vấn đề mẹ đẻ các ngài là công chúa con vua, cũng đã có một đời chồng trước là chồng vua, bây giờ lấy đời chồng hai là vua Gia Long sinh hạ được hai hoàng tử. Mẹ đẻ của các ngài quả là một nhân vật dị thường đúng như lời truyền tụng của nhân gian trong gần hai trăm năm nay:

Gái đâu có gái lạ đời

Con vua lại lấy hai đời chồng vua.

Con vua là con vua Lê Hiến tông nhà Hậu Lê. Hai đời chồng vua thì đời chồng vua trước là vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, còn đời chồng vua thứ hai là vua Gia Long, vua sáng nghiệp nhà cựu Nguyễn. Bà là công chúa Lê Ngọc Bình, công chúa con vua Hiến tông nhà Hậu Lê, em ruột công chúa Lê Ngọc Hân, là Chính cung Hoàng hậu vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, Đệ Tam cung vua Gia Long nhà cựu Nguyễn, mẹ đẻ các hoàng tử Quảng Oai công "sinh năm 1809" và Thường Tín Quận vương "sinh năm 1810".

Thân thế và sự nghiệp hai bà Lê Ngọc Hân và Lê Ngọc Bình có nhiều điểm tương đồng, mà những điểm tương đồng đó lại là những điểm rất căn bản. Hai bà đều là công chúa con vua Hiến Tông nhà Hậu Lê, hai bà đều sinh trưởng ở ngoài Bắc, nghĩa là cả hai đều là công chúa Đông đô. Lớn lên hai bà đều lấy chồng trong Trung, chồng của hai bà đều là hoàng đế nhà Nguyễn Tây Sơn, nghĩa là cả hai bà đều là Hoàng hậu Phú Xuân. Do những điểm tương đồng căn bản đó mà những câu chuyện truyền tụng về cuộc đời hai bà đan kết vào nhau, theo với không gian và thời gian mà dần dà thay đổi, để rồi lẫn lộn với nhau, cuối cùng thì chuyện có thật về người này trở thành chuyện huyền thoại của người kia. Nói rõ hơn, công chúa Lê Ngọc Hân chỉ lấy chồng một lần, còn công chúa Lê Ngọc Bình, sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, mới được vua Gia Long sách lập làm Đệ Tam cung, mới là người phụ nữ lạ thường "con vua lại lấy hai đời chồng vua".

Điều đáng lưu ý là chính sử nhà Cựu Nguyễn không nói gì về công chúa Lê Ngọc Bình, còn các sử liệu liên quan đến nhà Nguyễn Tây Sơn thì tất nhiên dưới triều nhà cựu Nguyễn đã không được lưu hành, tàng trữ. Lại nữa, sự nghiệp của hai hoàng đế Quang Trung và Cảnh Thịnh khác biệt nhau một vực một trời, cho nên sử Tàu, sử ta trong Nam, ngoài Bắc, đâu đâu cũng nói nhiều về vua cha mà ít khi đề cập đến vua con, do đó mà có hệ luận tất yếu là những gì liên quan đến vua cha thì người đời đều biết nhiều hơn những gì liên quan đến vua con.

Bản thân công chúa Lê Ngọc Hân cũng có nhiều điểm sắc sảo lanh lợi hơn công chúa Lê Ngọc Bình, nhất là công chúa Lê Ngọc Hân đã thông Hán tự lại còn giỏi quốc âm, nổi tiếng vì bài Ai Tư Văn. Bởi các lẽ đó mà từ trước đến nay chúng ta chỉ nghe nói đến công chúa Lê Ngọc Hân mà không nghe ai đề cập đến công chúa Lê Ngọc Bình. Chỉ từ sau năm 1975, ty thông tin Văn hoá Nghĩa Bình ấn hành và phổ biến một số tài liệu liên quan đến thân thế và sự nghiệp các nhân vật đời Tây Sơn, chúng ta mới bắt đầu chú ý các nhân vật như Lê Ngọc Bình, là công chúa con vua Hiến tông nhà Hậu Lê và là Chính cung Hoàng hậu vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản.

Theo các tài liệu do ty Văn hóa Nghĩa Bình công bố, vua Cảnh Thịnh và công chúa Lê Ngọc Bình đồng trang lứa với nhau. Vua Cảnh Thịnh sinh năm 1783, đúng như Đại Nam Chính Biên Liệt truyện và các phúc trình của các giáo sĩ Longer và Le Labousse gởi cho Phái bộ Truyền giáo Nam Hà đã ghi chép. Như vậy, ngày công chúa Lê Ngọc Hân vầy duyên cá nước với Tiết chế Nguyễn Huệ (1786) thì công chúa Lê Ngọc Bình mới có 4 tuổi. Đến năm Bính Ngọ (1792), vua Quang Trung mất, vua Cảnh Thịnh lên nối ngôi, cả nhà vua lẫn công chúa mới được 10 tuổi. Thời gian này cả hai đang ở tuổi trác mã thanh mai. Những năm tiếp theo là những năm Thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền nên chắc chắn là công chúa Lê Ngọc Hân dù đã có ý định vẫn chưa thể thực hiện việc kết hợp sắt cầm cho em gái với con chồng. Phải đợi đến sau chính biến năm Ất Mão (1795), phe cánh Thái sư Bùi Đắc Tuyên bị dẹp tan, công chúa Lê Ngọc Hân mới có điều kiện thu xếp đưa em gái lên ngôi Chính cung Hoàng hậu.

Lúc này, các bề tôi thân tín lục tục trở về triều, công chúa Lê Ngọc Hân cũng cố lại thế lực trong chốn nội đình và có ảnh hưởng quyết định đến công việc triều đình, thì cũng là lúc công chúa Lê Ngọc Bình vừa được 13 tuổi. Như vậy, công chúa Lê Ngọc Hân đối với công chúa Lê Ngọc Bình thì vừa là chị ruột, vừa là mẹ chồng. Cả hai đều là công chúa Đông đô con vua Hiến tông nhà Hậu Lê. Cả hai đều trở thành Hoàng hậu Phú Xuân, công chúa Lê Ngọc Hân là Bắc cung Hoàng hậu của Thái tổ Vũ Hoàng đế, công chúa Lê Ngọc Bình là Chính cung Hoàng hậu của vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản. Đến năm Kỷ Mùi (1799), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 7, công chúa Lê Ngọc Hân mất, công chúa Lê Ngọc Bình vừa được 17 tuổi. Đến năm Tân Dậu (1801), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 9, kinh thành Phú Xuân thất thủ, vua Cảnh Thịnh chạy ra Bắc hà không kịp mang theo gia quyến, thì công chúa Lê Ngọc Bình chỉ có 19 tuổi, nếu tính tuổi theo lối ngày nay thì công chúa Lê Ngọc Bình chỉ mới 18 tuổi mà thôi. Chính vào thời điểm này Đại Nguyên súy Tổng Quốc chính Nguyễn Phúc Ánh gặp công chúa Lê Ngọc Bình và năm sau, tức là năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn vương lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long, và sắc phong công chúa Lê Ngọc Bình là Đệ Tam cung, năm ấy công chúa Lê Ngọc Bình vừa tròn 20 tuổi.

Tuy nhiên, vẫn còn một vấn đề cần nêu lên là một sự kiện trọng yếu, rõ ràng và chính xác nhường ấy mà tại sao chính sử nhà Nguyễn lại không đề cập đến? Xin thưa ngay rằng các sử thần nhà Nguyễn trước nay vẫn lược qua không ghi chép những sự kiện lịch sử không phù hợp với quan điểm chính thống của ý thức hệ phong kiến phương Đông. Thí dụ rõ ràng nhất là trường hợp Công nữ Ngọc Vạn con chúa Hy Tông, gả làm Hoàng hậu cho vua Chân Lạp Chey Chetta II vào năm 1620, mở đầu việc chính quyền chúa Nguyễn kinh dinh đất Prey Kô, tức là Sài gòn Chợ lớn sau này. Sự nghiệp của Công nữ Ngọc Vạn ở Cao Mên cũng như công trạng của Công nữ Ngọc Vạn đối với dân tộc Việt Nam đem so sánh với sự nghiệp và công trạng của Công chúa Huyền Trân đời Trần thì to lớn hơn nhiều lần, thế mà chính sử nhà Nguyễn, vì tinh thần tự tôn dân tộc nghĩ rằng việc gả con gái cho người nước ngoài là việc

không đẹp, nên về thân thể thì ghi là "khuyết truyện", còn về sự nghiệp thì đã không chép được một câu.

Trong những trường hợp khác thì sử thần nhà Nguyễn giấu nhem những sự kiện lịch sử mà luân lý phong kiến phương Đông cho là đi ngược với đạo lý. Thí dụ như trường hợp chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần là con chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát với một bà công nữ em con chú con bác với chúa Võ vương. Việc hợp hôn như vậy theo quan điểm Á đông là loạn luân, bởi thế chính sử nhà Nguyễn đã không đề cập đến chuyện đó, mặc dù sự kiện này vô cùng trọng đại đối với tương lai vương nghiệp nhà cựa Nguyễn, vì đã mở đầu cho việc chúa Võ vương bỏ trưởng lập thứ đưa đến việc Trương Phúc Loan chuyên quyền và anh em nhà Tây Sơn khởi nghĩa, khiến cơ nghiệp họ Nguyễn chút nữa thì tiêu vong, dòng dõi họ Nguyễn chút nữa thì tuyệt diệt.

Vậy thì đã lại tái diễn việc chính sử nhà Nguyễn lược qua không đề cập đến sự kiện Hoàng đế Gia Long sách lập công chúa Lê Ngọc Bình con vua Hiến Tông nhà Hậu Lê, nguyên Chính cung Hoàng hậu vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, làm Đệ Tam cung. Lý do cũng vẫn là ý thức hệ phong kiến nho giáo ràng buộc người phụ nữ vào tứ đức tam tòng, chồng chết thì chết theo chồng hoặc ở vậy chứ không được lấy chồng khác. Lý do cũng vẫn là ý thức hệ phong kiến nho giáo ràng buộc người nam nhi khi xuất khi xử luôn luôn phải tuân thủ đạo nghĩa tam cương ngũ thường, phân biệt minh bạch chính thống và tà ngụy. Bởi vậy, sử thần nhà Nguyễn đã cho rằng chuyện công chúa Lê Ngọc Bình vốn là người cũ của Nguyễn Tây Sơn mà được sách lập làm Đệ Tam cung là chuyện không đẹp, nên lược qua không đề cập đến, thái độ này phản ánh dư luận đa số các giới phong kiến nho sĩ đương thời mà rõ nét nhất là những câu chuyện truyền tụng về những lời lẽ của triều thần can gián nhà vua.

Tuy nhiên, những lý lẽ phản bác rất chính đáng của vua Gia Long cũng lại đã cho thấy ý chí không thể lay chuyển trong quyết định sách lập công chúa Lê Ngọc Bình làm Đệ Tam cung. Hành động của vua Gia Long không phải là hành động của con người bình thường tiếc ngọc thương hoa, cho dù công chúa Lê Ngọc Bình có là công chúa con vua, trẻ đẹp, tuổi tác chưa được hai mươi. Hành động của vua Gia Long là hành động đã suy tính kỹ lưỡng, không vì tình nhi nữ nhỏ mọn ở chốn phòng khuê mà vì quyền lợi tối thượng của phe nhóm, của dòng họ, của triều đình, của chính nghĩa, của quốc gia đại sự. Thật thế, vua Gia Long tuy đã thống nhất đất nước, thu Nam Bắc về một mối nhưng lòng người Bắc hà vẫn còn tưởng nhớ nhà Lê. Song song với việc thiết lập cơ chế Bắc thành Tổng trấn, cho địa phương được tự trị rộng rãi, cũng như song song với việc lục đục con cháu nhà Lê vào các cơ quan nhà nước, tùy tài khiến dụng không phân biệt Nam Bắc, mới cũ, việc sách lập một công chúa Bắc hà con vua Hiến Tông nhà Hậu Lê vào một địa vị tôn quý ở chốn nội đình là một hành động tâm lý chiến sâu sắc của một chính trị gia bậc thầy, một hành động có tính toán kỹ lưỡng và khôn ngoan tuyệt cùng.

Tóm lại việc nhà vua Gia Long sách lập công chúa Lê Ngọc Bình, công chúa con vua Hiến tông nhà Hậu Lê, Hoàng hậu vợ vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, làm Đệ Tam cung là một sự kiện lịch sử có thật rõ ràng và chính xác, mặc dù chính sử nhà Nguyễn không đề cập đến. Công chúa Lê Ngọc Bình là em ruột công chúa Lê Ngọc Hân. Cả hai đều là công chúa Đông đô, đều được sắc phong Hoàng hậu Phú Xuân. Nhiều câu chuyện truyền tụng trong dân gian đều thù dệt chung quanh cuộc đời hai bà đan kết vào nhau, lẫn lộn vào nhau, thay đổi dần dà với thời gian và không gian, và đặc biệt là không mấy ai biết đến công chúa Lê Ngọc Bình mà chỉ biết có công chúa Lê Ngọc Hân thôi, nên cuối cùng, có nhiều chuyện đời thực của bà này lại trở thành huyền thoại về bà kia.

Vậy từ nay chúng ta hãy dứt khoát khẳng định sự kiện công chúa Lê Ngọc Hân chỉ có một đời chồng, và chung cục của bà vẫn là giàu sang tôn quý. Bà là Bắc cung Hoàng hậu của vua Quang Trung, và bà đã chết dưới triều vua Cảnh Thịnh, khi nhà Tây Sơn chưa mất ngôi. Còn người phụ nữ lạ thường đã là công chúa con vua lại lấy hai đời chồng vua là công chúa Lê Ngọc Bình, em ruột công chúa Lê Ngọc Hân. Công chúa Lê Ngọc Bình là con vua Hiến tông nhà Hậu Lê, có đời chồng thứ nhất là vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn và đời chồng thứ hai là vua Gia Long nhà cựu Nguyễn, đúng như câu ca dao trong dân gian vẫn còn truyền tụng đến ngày nay:

Gái đâu có gái lạ đời
Con vua lại lấy hai đời chồng vua.

Minh Vũ HỒ VĂN CHÂM
Giai phẩm Xuân TÂY SƠN Mậu Dần 1998

Source : www.lebichson.net

Văn Võ Bình Định

*

Nguyễn Quý Đại

12 tháng 01 năm 2006

Bình Định nằm dọc theo các tỉnh duyên hải. Quốc lộ 1 chạy ngang qua và quốc lộ 19 nối Qui Nhơn với các tỉnh Tây Nguyên. Bình Định nơi còn nhiều di tích văn hoá lâu đời của dân tộc Chiêm Thành, những ngọn tháp Chăm nguy nga, cao vờn vờn còn tồn tại đến ngày nay. Ở huyện Phù Cát có tháp Phúc Lộc tục gọi là Phốc Lốc. An Nhơn có tháp Cánh Tiên. Tuy Phước có chùm tháp Bánh Ít, tháp Thanh Trúc ở Bình Lâm, tháp Long Triều ở Xuân Mỹ. Qui Nhơn có tháp Đôi. Bình Khê có tháp Thủ Thiện và chùm tháp Dương Long.

Bình	Định	có	núi	Vọng	phụ		
Có	đâm	Thị	Mại,	có	cù	lao	Xanh
Có	Cân,	có	Cỏ,	có			Gành
Có	non,	có	nước,	có	mình	có	ta
	Ca dao						

Sự ảnh hưởng văn hoá Việt-Chiêm, từ năm bính ngọ 1306, vua Chiêm Thành là Chế Mân (Jaya Simhavarman III trị vì năm 1288-1307) cưới Huyền Trân công chúa, sinh lễ là hai châu Ô và Lý (Rí) vua Trần Anh Tông (trị vì 1293-1314) là anh của Huyền Trân công chúa thâu nhận 2 châu trên đổi thành Thuận Châu và Hoá Châu và sai Đoàn Nhữ Hài vào kinh lý đặt quan cai trị. Khi nhà Trần suy vi, vua Chiêm là Chế Bồng Nga (Pô Bin swor trị vì 1360-1390) đã nhiều lần đánh chiếm lại đất từ Nghệ An trở vào Nam, và tiến quân cướp phá các vùng phía bắc cho đến năm 1390 đánh phá tới sông Hoàng Giang, Chế Bồng Nga bị bắn chết. Từ đó quân Chiêm Thành suy yếu, năm nhâm ngọ 1402 vua Hồ Hán Thương (trị vì 1401-1407) sai Đỗ Mãn đem quân đánh Chiêm Thành vua Chiêm Ba Đích Lại (Virabhadravarmān) xin nhường đất Thăng Bình, nhưng Thượng hoàng Hồ Quý Ly đòi thêm vùng Cổ Luỹ Động (Quảng Ngãi)

Năm Canh Thìn (1470), Hồng Đức vua Chiêm là Trà Toàn đem quân đánh phá Hóa Châu, và sai người sang Tàu cầu viện nhà Minh. Vua Lê Thánh Tông tự cầm quân, đem đại binh 20 vạn quân đánh Chiêm Thành, phá được kinh đô là thành Đồ Bàn (Vijaya) và chiếm đất đến đèo Cù mông. Từ đây, miền này được sát nhập vào Đạo Quảng Nam, đặt tên là phủ Hoài Nhơn (có nghĩa ôm ấp tình người) gồm ba huyện là Bồng sơn, Phù ly và Tuy viễn.(1) Di dân người Việt đến lập nghiệp, người Chiêm Thành đã rút về phía Nam. Để đề phòng việc Chiêm Thành đòi hoặc cướp lại đất, nên các vua Đại Việt đã đưa quân tinh nhuệ đến đây trấn thủ, đó là những tinh binh võ nghệ cao cường... Những người lính này về sau ở lại lập nghiệp và họ cũng như con cháu không quên giữ gìn truyền thống thượng võ.. vì sinh tồn của lưu dân, họ đã có căn bản võ từng chiến đấu trong cuộc Nam tiến, học thêm các thể võ của người Chiêm, Trung Hoa, xem gà đá sáng chế ra Hùng Kê quyền ..phát triển ngành võ thuật

Từ cuối năm Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận hoá, lập nên xứ Nam Hà, cho đến năm Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc (? .1793) khoảng 29 tuổi cùng em, Nguyễn Huệ (1753-1792) 19 tuổi và Nguyễn Lữ (?-1788) người làng Kiên Mỹ đất Tây sơn, sau này là thôn Kiên Mỹ, xã Bình Thành, huyện Bình Khê nay là huyện Tây Sơn.. Thấy được sự lợi hại của võ Bình Định, anh em Nguyễn Huệ đã áp dụng võ vào chiến thuật trong cuộc khởi

nghĩa ở Gò Tô đất Tây Sơn và phát huy võ học Bình Định. Trong binh đội Tây Sơn, mỗi chiến sĩ là một võ sĩ. Sự huấn luyện quân đội, căn bản là tập võ dụng cò, võ Bình Định đã tiến một bước dài, phát triển đầy đủ các môn binh khí và đi vào nề nếp. Đặc điểm của võ Tây Sơn là mỗi thế võ đều có bài thiệu đi kèm, tức là phần lý thuyết được diễn thành thơ có vần, có điệu cho dễ đọc, dễ nhớ. Người học võ, phải thuộc lòng bài thiệu, đọc đến đâu múa đến đó, lý thuyết ăn khớp với thực hành. Lối học võ này rất tiện cho việc luyện tập nhiều người cùng một lúc, được áp dụng trong trường huấn luyện quân đội của Tây Sơn, còn sáng chế ra điệu trống trận Tây Sơn. Người đánh, cùng một lúc sử dụng nhiều trống, tối đa 12 cái, và phải dùng thế võ côn quyền mới đánh được. Đánh bằng dùi cả hai đầu, gọi là roi trống, vừa đánh cả hai bàn tay, cổ tay, cùi chỏ, vai... làm cho tiếng trống phát ra những âm thanh khác nhau, nghe rất hùng tráng. Lúc ra trận, dùng hai trống lớn, đánh theo võ nhạc trận, âm thanh vang xa, dồn dập, kích động.

(2)

Sự kiện chàng Lía tên thật là Võ Văn Đoan, còn lưu lại một bài vè dài 1400 câu, lưu truyền trong dân gian, đã phản ánh phần nào tình trạng võ nghệ ở Bình Định. Bình Định là vùng đất kết hợp giữa Văn và Võ. Ngành võ thuật ở Bình Định đã nảy sinh những thiên tài quân sự như nữ tướng Bùi Thị Xuân (?- mất 1802) Tăng Bạc Hồ (1858-1906), Mai Xuân Thưởng (1860-1887) và nhiều danh tài lỗi lạc khác... Võ Bình Định lấy nhu thắng cương, các quyền cước biến hóa rất ngoại mục và nguy hiểm, Quyền đánh bằng tay chân còn gọi là thảo bộ như : thảo bộ Phụng Hoàng, Tứ Hải, Thiên Sư, Ngọc Trản, Thần Đồng, Lão Mai Độc Thọ...

Roi : lối đánh võ bằng gậy, còn gọi là côn. Roi phải vừa cỡ tay nắm người sử dụng thì đường roi mới mạnh và nhanh. Có hai loại : roi trường và roi đoản. Roi trường là roi trận, dài khoảng 2,50 mét, đầu lớn là đốc roi, đầu nhỏ là ngọn roi, bài roi như Tấn Nhất Ô Du

<i>Ai</i>	<i>về</i>	<i>Bình</i>	<i>Định</i>	<i>mà</i>	<i>coi</i>
<i>Con</i>	<i>gái</i>	<i>Bình</i>	<i>Định</i>	<i>múa</i>	<i>roi</i>
	<i>Ca dao</i>			<i>đi</i>	<i>quyền</i>

Trong một bài quyền hay trong một chiêu thức, võ sinh có thể kết hợp chiêu thức của các bài quyền khác nhau để tạo ra chiêu thức mới, "kẻ khéo thắng cốt ở chỗ thật mềm dẻo, chứ không phải lấy nhiều hiệp ít, lấy mạnh để yếu". Võ Bình Định đã bị thất truyền vì thời từ thời vua Gia Long (trị vì từ 1802-1820) thống nhất sơn hà, đã cấm đến 60 năm sau, Năm 1858, liên quân Pháp và Tây Ban Nha đánh chiếm bán đảo Sơn trà, Đà Nẵng. Năm 1859, thành Gia định thất thủ. Năm 1861, mất Định Tường, đảo Côn lôn và Biên hòa. Năm 1867, Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam kỳ là Vĩnh long, An giang, Hà tiên.

Trước tình thế khốn trương, cần tăng cường quân đội để bảo vệ những phần đất còn lại, phải chống lại giặc Pháp xâm lăng, vua Tự Đức trị vì từ (1848-1883), năm 1867 nhà vua cho thành lập trung tâm tuyển chọn võ quan ngay trên miền đất võ. Đó là trường thi Hương võ Bình Định tại phủ An Nhơn, nay là thôn An thành xã Nhơn lộc huyện An Nhơn. Mở trường thi tuyển chọn nhân tài, từ đó các lò võ ở Bình Định được phép công khai hoạt động

Thời thực dân Pháp đô hộ, từng tổ chức thi đấu võ đài, lúc giao đấu có chiếc quan tài để sẵn, hai người giỏi phải có một người chết, dụng ý bọn Tây để tiêu diệt người tài có võ nghệ cao cường, làm chia rẽ trong môn phái tránh việc nổi dậy chống Tây.. nhưng võ Bình Định vẫn duy trì nhờ "nghề cha truyền con nối". nhiều võ sư ý thức được thâm độc của thực dân, không vì danh lợi để giết nhau nên họ không tham dự thi đấu võ đài.

Sau khi đánh đuổi thực dân ra khỏi đất nước. Môn võ Bình Định đã được phục hồi và phát triển, năm 1972 Hội võ thuật Bình Định được thành lập với đầy đủ các môn võ của Bình Định. Trước đó chỉ có Phân cuộc Quyền thuật Bình Định được thành lập và trực thuộc vào Tổng Cục Quyền thuật Sài Gòn. Ngày càng ngày hoàn thiện hơn, nhiều võ đường mở khắp nơi

ở miền Nam và thế giới như Võ Tây Sơn, Sa Long Cương,

Sinh hoạt văn hoá của người Việt khác nhau theo từng địa phương, hàng năm vào những dịp đầu năm thường có lễ hội. miền Bắc có Hội Lim, hội Gióng, hát quan họ ở Bắc Ninh, hát trống quân, hát chèo, hát ả đào... Nghệ Tĩnh hát Phường Vải, Huế hát Cung Đình, Quảng Nam hát vè, hò Khoan. Các tỉnh miền Nam hát vọng cổ, cải lương... riêng Bình Định cũng là cái nôi văn hoá của nghệ thuật tuồng Hát Bội và Bài Chòi. Người viết tuồng hát bội ở Bình Định đó là cụ Đào Tấn (1845-1907) lúc 19 tuổi đã soạn tuồng cổ, Tân Dã Đồn nổi tiếng. Năm 22 tuổi đỗ cử nhân làm Tổng Đốc Nghệ An và thăng quan đến Hiệp Tá Đại học sĩ, Thượng thư bộ Công làm quan trải qua ba triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái . Vì chống lại tay sai Nguyễn Thân bị cách chức về hưu. Cụ lập ra trường học Bộ Đình Vinh Thạnh (nay thuộc huyện Tuy Phước, Bình Định), dạy kịch nghệ, cụ Đào Tấn để lại một kho tàng tuồng cổ giá trị và nhiều người đã tiếp tục biên soạn tuồng hát cho đến ngày nay. Ngành hát bội bắt đầu xuất hiện ở Bình Định, kết hợp từ lối hát ả đào ở miền Bắc, dân ca, người Bình Định đã sáng tạo ra Hát bội, ảnh hưởng đến các tỉnh ở Quảng Nam, các xã, quận, những gánh hát này thường do anh em bà con dòng họ, lập gánh để hát trong những dịp xuân về, họ dựng rạp hát nơi sân đình rộng, sân khấu có màn phong cảnh đẹp. Thời chưa có điện, người ta dùng đèn, "đèn măng-sông" (lampe à manchon). Thành phố lớn, gánh hát chuyên nghiệp trình diễn trong những rạp lớn, bán vé vào cửa, ở Hội an, Đà Nẵng có rạp hát tuồng Hoà Bình ở đường Phan Châu Trinh một thời rất thịnh hành. Hát bội là một nghệ thuật sân khấu thu hút khán giả thời chưa có cải lương, kịch nói, tân nhạc và phim Nghệ thuật Hát bội, có 2 yếu tố căn bản diễn xuất điêu luyện là hát và múa theo điệu bộ, hát hay mà múa không đẹp thì không thể trở thành một nghệ sĩ Hát bội đúng nghĩa. Mà muốn múa đẹp thì phải học võ.. Không có yếu tố võ thuật thì sân khấu Hát bội không thể linh động. " Má ơi đừng đánh con đau. Để con hát bội làm tuồng má coi "

Năm 1972 tôi tham dự buổi diễn thuyết của nhà văn Nguyễn Văn Xuân ở Hội Khuyến Học Đà Nẵng, chủ đề nói về Nghệ Thuật Hát Bội, ông đã đưa nhiều chi tiết của từng đào kép, Người nghệ sĩ tự vẽ mặt, hoá trang sao cho phù hợp với vai của mình đóng. Đi đứng điệu bộ phải oai hùng...Khán giả danh dự được mời cầm châu, phải là người biết rõ nghệ thuật Hát bội để đánh trống . Khi gió nhẹ phải đánh thùng, rùng, rùng... run rẩy êm ái, lúc đông gió bão tố thì phải gõ tung tung mạnh bạo, dứt khoát. Mỗi gánh hát đều phải có người đánh trống hiểu sâu về ưu điểm, nhược điểm từng diễn viên để dùng tiếng trống phát huy hoặc hạn chế... Chuyện cầm châu cũng là một nghệ thuật, người cầm châu cần phải có trình độ thưởng thức, phê bình vở diễn.. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân đã mời các đào kép nổi tiếng diễn những vai tuồng và phân tích cho khán giả hiểu thế nào gọi là nghệ thuật Hát bội. Xã hội càng văn minh, sân khấu kịch nghệ không ngừng phát triển, nhưng bộ môn Hát bội những tuồng cổ điển tích như : Thoại Khanh Châu Tuấn, Lữ Bố hí Điêu Thuyềndần dần bị quên lãng

Bài chòi, không ai biết chính xác hội Bài chòi xuất hiện vào thời điểm nào?. Tuy nhiên, theo tác giả Hoàng Chương-Nguyễn Có trong tác phẩm Bài Chòi và Dân ca Bình Định viết những năm gần đây, Bình Định đã phục hồi lại trò chơi "đánh bài Chòi" thu hút đông đảo người tham dự trong những lễ hội mùa xuân. Thời gian trước đây hội Bài chòi không còn phổ biến sâu rộng. Bài chòi thường tổ chức ở ngoài trời, như sân đình hoặc một nơi thoáng rộng. Người ta dựng chín hay mười cái chòi bằng tre chia làm hai dãy. Ở giữa là chòi của "anh hiệu" là người có tài hô bài chòi từ những bài văn vần lục bát, theo điệu hô thai độc xướng. Những bài văn này có khi là truyền khẩu, song cũng có khi người hô ứng tác. Ngoài ra, một ban tổ chức chơi Bài chòi gồm ba người chạy hiệu thu cò, phát cò; một thủ quỹ và ban nhạc gồm nhiều nhạc cụ: trống com, trống cái, đờn cò, trống châu....Trong dân gian thường truyền khẩu

Cờ bạc là bác thằng bần

Cửa nhà bán hết, ra thân ăn mày

Nhưng Bài chòi là hình thức vui chơi dễ dàng và đơn giản, dựa vào sự may rủi, hên xui đầu năm. Bộ bài chòi gồm 27 hoặc 30 cặp, chia làm 3 pho: Văn, Vạn, Sách. Mỗi pho có 9 hoặc 10 cặp bài có tên gọi riêng. Tùy theo mỗi tỉnh, tên gọi các con bài thay đổi, mỗi pho có chín cặp và ba cặp yêu. Trên những con bài chỉ có tượng hình, không ghi một chữ nào cả

1. *Pho văn* gồm chín cặp : *Chín gối, Nhì bánh, Ba bụng, Tứ tượng, Ngũ rốn, Sáu tiền,, Bảy liều, Tám miếu, Chín Cu.*
2. *Pho vạn* gồm chín cặp : *Nhất trò, Nhì bí, Tam quăng, Tứ căng, Ngũ trượt, Lục trạng, Thất vung, Bát bông, Cửu chùa.*
3. *Pho sách* gồm chín cặp : *Nhất Nọc, Nhì Nghèo, Ba Gà, Tứ Xách, Ngũ Dụm, Sáu Hường, Bảy Thừa, Tám Dây và Cửu Điều.*

Ngoài 3 pho 27 cặp, còn có 3 cặp yêu màu đỏ là Lão-Thang-Chi. Đôi khi người ta rút 3 cặp bài bất kỳ, mỗi pho rút một cặp, thế vào đó 3 cặp Yêu. Lão thì gọi Ông Âm, Thang gọi là Thái Tử và Chi gọi là Bạch Huê. Miễn sao bộ thẻ Bài chòi vẫn giữ y số ấn định là 27 cặp, chia đều mỗi pho 9 cặp. Người ta dán 27 con bài lên thẻ tre ngắn đều nhau bỏ vào ống, chân thẻ bài tròn nằm hướng miệng ống. Ngoài ra còn 27 con bài cũng y như vậy, dán vào thẻ lớn. Cứ 3 con bất kỳ dán chung vào một thẻ. Có 9 thẻ phát mỗi chòi một thẻ, nên thẻ lớn còn gọi là thẻ chòi. Người tham dự mua đủ chín thẻ thì cuộc chơi bắt đầu, anh Hiệu hai tay ôm ống đựng thẻ lắc mạnh nhiều lần, khi các con bài đã trộn lẫn vào nhau, anh Hiệu đưa ống cao hơn tầm mắt của anh ta, để có sự công bình và rút một con bài. (nhiều nơi người ta đóng hay cột cái ống bài trên cột nhà cao hơn đầu người). Mọi người hồi hộp chờ đợi tên con bài đang nằm trong tay Hiệu. Lúc ấy tiếng trống châu thúc liên hồi, dàn nhạc cũng dồn dập tung bừng, kích thích lòng mong đợi của mọi người. Nhưng Hiệu chưa vội đọc tên con bài. Anh ta múa may, vái chào mọi người rồi mới cất giọng hô điệu bài chòi bằng hai câu thơ hay cả bài lục bát tùy thích.

Hiệu phát bài đã đủ

Cho hiệu thủ bài tỳ

Hiu hiu gió thổi ngọn tre,

Chín chòi lặng lặng mà nghe con... bài chương.

Sau con "bài chương" là những con bài kế tiếp khác. Hiệu lại tiếp tục lắc ống rồi rút con bài khác. Và cũng theo thủ tục hô bài như đã nói trên. Ban đầu trong ống có 27 thẻ bài, nhưng bớt dần theo mỗi lần rút thẻ cho đến khi có một chòi nào trúng được ba lần, tức là bài đã tới thì mới chấm dứt ván bài. Khi Hiệu hô xong con bài, nếu có chòi trúng lần thứ ba, thì gõ mõ lên ba tiếng, hoặc trống đánh lên ba tiếng, có chòi lại kêu lên "tới ! tới !". Nghe tiếng ấy, người chạy hiệu liền đem một cây cờ chạy đến giao cho người chơi. Chòi "tới" lãnh cờ, cắm lên mái chòi cho mọi người chiêm ngưỡng "vận hên đầu năm" của mình. Trống đánh lên âm vang, tạo nên không khí ngày hội khá vui. Khi bài tới, đến ván thứ tám thì xong một hội. Lẽ ra phải chín ván vì có chín chòi đóng tiền, nhưng phải dành tiền ván thứ chín để ban tổ chức chi phí cuộc chơi và trả tiền công cho gánh bài chòi. Vậy khi vẫn một hội thì ban tổ chức được một khoản tiền bằng số tiền cấp của một chòi; và cứ xong một hội thì ít nhất cũng phải có một chòi thua. Xong một hội, trống châu vang lên một hồi rất dài. Ban nhạc cũng tạm nghỉ giải lao, chuẩn bị cho hội khác. Người đánh bài nếu muốn chơi tiếp thì vẫn ngồi trên chòi của mình; nếu không thì xuống để chòi trống cho người khác lên thay. Ở Quảng Nam Bài chòi thời xa xưa là trò chơi rôm rả vào dịp Tết, có nơi kéo dài cả tháng, nhưng không bắt buộc phải dựng chòi, người ta tụ tập ở các đình làng, ngồi từng nhóm với nhau trên những dãy ghế dài vui chơi thỏa mái. Người Việt sống phần lớn về Nông nghiệp, ở nông thôn đầu xuân thường rảnh rỗi, nên Tết thường kéo dài hơn các nước kỹ nghệ Tây Phương, họ chỉ mừng Tết một vài ngày.

Tháng giêng là tháng ăn chơi

Tháng hai cờ bạc tháng ba rượu chè

Ca dao

Bài chòi là một trò chơi giản dị và lành mạnh. Mặc dù có ăn thua, nhưng không ai coi đây là dịp để ăn tiền người khác. Cái thú vị của trò chơi bài chòi được thưởng thức sinh hoạt văn nghệ. Anh Hiệu là diễn viên chính. Anh hô những bài lục bát trên nền nhạc của giàn nhạc tấu. Các câu lục bát anh hô lên có thể là những câu cũ đã quen tai từ những lần chơi trước ở đâu đó và cũng có những câu mới mẻ đầy thú vị, hay những câu rất dí dỏm

Khi người hô, đã sử dụng các câu hát gọi trực tiếp tên quân cờ để người chơi dễ theo dõi. Dù đã có đôi chút biến đổi song hội Bài chòi vẫn giữ được đặc thù riêng, là một sinh hoạt văn hóa trong những dịp xuân. Các câu thai là những ca dao được sử dụng nói về tình yêu quê hương đất nước, ca ngợi tình phụ mẫu, tình phu thê, đề cao những đức tính, phẩm chất tốt đẹp của con người, phê phán những tệ nạn xã hội, những tập tục lỗi thời, lạc hậu...

Một hai bậu nói rằng không,
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người.

hay
Một hai họ nói rằng không
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người
Tứ cẳng

Chú giới sao chú hồng đi thi,
Cứ ăn xó bếp, lại ngủ khi chuồng trâu.
Chú ơi, tui chẳng ưng đâu,
Trạng không xứng trạng, có hầu cũng uống công.
Lục trạng !

Ngoài ra, tên con bài cũng được gọi trại đi hoặc đổi khác để ứng vào một câu thơ hoặc câu ca dao nào đó. Gọi khác chữ, chẳng hạn Bảy thừa thành Bảy hột. Gặp con bài này, Hiệu sử dụng một trong hai câu thơ sau đây làm câu thai:

Ước gì em chữa có chồng.
Anh về thưa với cha mẹ, mang rượu nồng đón em.

hoặc:
Còn duyên mua thị bán hồng,
Hết duyên buôn mít cho chồng gặm xơ.
Gặm xơ rồi lại gặm cùi,
Còn ba, bảy hột để lùi cho con.

Nói trại, chẳng hạn Ngũ rón thành Ngũ rún rồi thành Ngũ ruột:

Rủ nhau đi đánh bài chòi
Để cho con khóc đến lòi rún ra.

hay:

Thò tay vào ngắt ngọn ngò,
Thương em đứt ruột, giả đồ ngó lơ

Có khi dùng câu đó làm câu thai, trường hợp này thì nội dung của câu đó đã diễn tả tên con bài nên câu chót không cần phải trùng chữ với tên con bài nữa. Chẳng hạn, gặp con bài Ba gà, Hiệu có thể hô các câu thai:

Mình vàng bạn áo mã tiên
Ngày ba bốn vợ tôi nằm riêng một mình.
Ba gà

*Chiều chiều con quạ lợp nhà,
Con Cu chẻ lạt, con gà đưa tranh
Ai làm cho em bén duyên anh
Cho mây lầy núi, cho trăng lầy gió ngàn*
Ba gà

*Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau".*
Ba gà

Có trường hợp không cần nêu tên con bài mà chỉ giải nghĩa đầy đủ là được. Gặp con bài Thái tử, có thể dùng câu:

*Thuyền ai thấp thoáng bên bờ,
Hay thuyền ông Lữ đợi chờ con vua.*
Thái tử

Thỉnh thoảng còn dùng những câu thai mơ hồ, người xem khó đoán được tên con bài Nhì bánh mà Hiệu đang nắm trong tay:

*Biết rằng ai có mong ai
Sao trời lại nở xé hai thế này
Có sao hôm mà chẳng có sao mai
Hai đàng hai đũa tình phai hoa tàn.*
Nhì bánh

Cũng có lúc, cả bốn câu đều nhắc đến tên con bài. Gặp con bài Chín cu thì câu thai sau đây điển hình cho trường hợp này:

*Tiểu công bỏ mắt cho cu,
Cu ăn, cu lớn, cu gù, cu bay.
Cu say mủ cả, áo dài,
Cu chê nhà khó, phụ hoài duyên anh!*

Như con bài Bạch huê dùng những câu thai sau đây tuyệt hay, từ thứ dân cho đến vua cũng cần..con người từ đó sinh ra.

*Ong qua muốn đậu, bướm vào muốn bu
Bốn mùa xuân hạ thu đông
Khi búp khi nở, khi xù, khi tươi
Quá xuân ngó thấy mĩnh cười
Sắc hay vương vấn mấy người tài danh
Có bông, có cuống, không cành
Ổ trong có mẹ, bốn vành có tua
Nhà dân cho chí nhà vua
Ai ai có của cũng mua để dành
Tử tôn do thử nhà sanh
Bạch huê mỹ hiệu xin phành ra coi*

Hay

*Con vợ tui tốt tợ tiên sa,
Coi trong thiên hạ ai mà dám bì (sánh)
Lưng khòm rồi lại da đen
Còn hai con mắt tợ khoen trổng châu.
Giò cao đít lớn to đầu,
Lại thêm cái mặt cô sầu bắt ghê.*

*Việc làm trăm việc tui chê,
Chỉ thương có chút cái "Bạch Huê" nó tròn.*

Con bài Bạch Huê biểu tượng cho Yoni, phải có con bài Nhất Nọc cho Linghe đúng theo tạo hoá đã sắp đặt,

*Đàn ông ta có cái nôm
Đàn bà sinh nhụy lại thêm mẽ đèn
Đàn bà sáng tựa hoa sen
Đàn ông giữa cửa, nọc chèn hai bên
Nhất nọc*

*Đi đâu mang sách đi hoài
Cử nhon chẳng thấy, tú tài cũng không*
Nhút trò

*Còn duyên làm cách làm liêu
Hết duyên bí thiu, bầu thiu ai thềm
Nhì bí*

*Vợ đôi, chồng một ra gi
Mỗi người mỗi bụng ở thì sao nên*
Ba bụng

*Lòng thương chị bán thịt heo
Hai vai gánh nặng, còn đèo móc cân
Tứ móc*

*Tới đây giả gạo ăn chè
Ai mà không giã, ngồi hè trọt ăn*

Hay
*Chiều chiều vác cuốc đào lươn
Bùn trơn, lươn trượt, người thương đâu rồi
Ngũ trượt*

*Chú giỏi sao chú chẳng đi thi
Cứ ăn ở xó bếp lại ngủ khi chuông trệu
Chú ơi ! tôi chẳng ưng đâu
Trạng không xứng trạng, có hầu cũng uống công
Lục trạng*

*Có thương, có nhớ không em
Sao em chẳng lại, để anh mong đêm nhớ ngày
Nhất gỏi*

*Ngồi buồn nghĩ chuyện đời nay
Trai tài, gái sắc sao tày ngày xưa
Đời nay ăn sớm, ngủ trưa
Ngồi lê đôi mách bỏ thừa việc nhà
Bảy thừa*

*Đôi ta như đũa trong sò
Không chọn mà gắp, không đo mà đều
Đôi ta đã quyết thì liêu
Tỉ như con trẻ thả diều đứt dây
Tám dây*

*Em nghe anh tỏ lời này
Em đòi để bỏ chuyện rày sao nên
Tào khang nghĩa ở cho bền
Liều mai hoà hợp, đôi bên thuận hoà
Bảy liều*

*Lúc rày đã có trăng non
Để tôi lên xuống có con em bông
Bát bông*

*Xưa kia ai biết ai đâu
Bởi chung miếng thuốc, miếng trầu nên thương
Vĩ tình cho dạ vẫn vương
Bốn phương, tám hướng, nàng nương miếu nào
Tám miếu*

*Em thương anh, cha mẹ cũng phải theo
Chiếc ghe buồm đang chạy, quăng neo cũng ngừng
Tam quăng*

*Một cây làm chẳng nên non
Ba cây dùm lại thành hòn núi cao".
Ngũ Dùm*

*Nghĩ duyên lận đận mà buồn
Thương nhau vàng võ, má hường kém tươi".
Sáu Hường*

*Gió đưa trăng thì trăng đưa gió
Quạt nọ đưa đèn, đèn có đưa ai
Trăm năm đá nát vàng phai
Đá nát mặc đá, vàng phai mặc vàng
Trông cho én nhận một lòng
Lồng đèn thiếp xách, mâm tơ hồng chàng bưng".
Tứ Sách*

Nội dung câu thai cũng luôn thay đổi. Như con bài Nhì nghèo, anh Hiệu phải hô mỗi lần khác nhau, gây thêm chú ý và hấp dẫn người chơi Bài chòi

*Một, anh để em ra,
Hai, anh để em ra.
Về em buôn, em bán
Trả nợ bánh trắng, trả nợ bánh xèo.
Còn dư trả nợ thịt heo,
Anh đừng làm em nữa, kéo mang nghèo vì em.*

*Chấp tay với chẳng tới kèo
Cha mẹ anh nghèo chẳng cưới được em!*

*Cây khô tưới nước cũng khô,
Vận nghèo đi tới xír mô cũng nghèo!*

Nhiều quan thêm khổ thằng dân,

Nhiều giàu thì lại chết trên thằng nghèo.

*Thấy anh, em cũng muốn theo
Chỉ sợ anh nghèo, anh bán em đi.*

*Buồn từ trong dạ buồn ra.
Buồn anh ở bạc, buồn cha mẹ nghèo.*

*Ngày thường thiếu áo thiếu cơm
Đêm nằm không chiếu lấy rơm làm giường.
Dù dơi dếp bướm chập đường,
Màn loan gỏi phụng ai thương thằng nghèo.*

Vì vậy, hình thức vui chơi này không chỉ có ý nghĩa giải trí đơn thuần. Đồng thời, còn có thể xem hội Bài chòi chính là một sân khấu trình diễn của làn điệu dân ca. Người tới bài có máu văn nghệ, hỏi đố bằng thơ, anh Hiệu cũng phải biết đáp bằng thơ. Chẳng hạn như câu hỏi đố:

*Cái gì có trái không hoa?
Cái gì không rẽ cho ta tìm tòi?
Cái gì vừa thơm vừa thỏ
Kẻ yêu người chuộng, kẻ dò tình nhân.
Cái gì mà chẳng có chân?
Cái gì không vủ xây vùn lăm con?
Cái gì vừa tròn vừa tròn?
Mười hai tháng chẵn không mòn chút nao.
Cái gì mà ở trên cao?
Làm mưa làm gió làm sao được vầy.
Cái gì mà ở trên cây?
Trèo lên tụt xuống khen ai là tài.
Cái gì chỉ có một tai?
Cái gì một mặt cái gì ngẩng lưng?
Cái gì anh gầy từng tưng...*

Nếu không nhanh trí, có tài ứng đối, thuộc nhiều ca dao, câu đố... Hiệu khó mà vượt qua nổi. Hiệu thưa...

*Cây sủng có trái không hoa.
Tơ hồng không rẽ cho ta tìm tòi.
Quế ăn vừa thơm vừa tho,
Kẻ yêu người chuộng, kẻ dò tình nhân.
Cái ốc ma không có chân.
Con gà không vủ xây vùn lăm con.
Sợ chỉ vừa tròn vừa tròn,
Mười hai tháng chẵn chẳng mòn chút nao.
Ông trời mà ở trên cao,
Làm mưa làm gió làm sao được vầy.
Con vượn mà ở trên cây
Trèo lên tụt xuống khen ai là tài
Cối xay đậu có một tai,
Trống mắng một mặt, mâm bồng ngẩng lưng.*

Đàn bầu anh gảy từng từng...

Sinh hoạt và phong tục mỗi địa phương đều có những đặc thù riêng, nhưng không tách khỏi dòng văn hoá chung của dân tộc Việt. Các tỉnh miền Nam thích hát vọng cổ, cải lương. Xuân về có nhiều trường đá gà, sòng me .. Nhưng về Hát bội hay chơi Bài chòi thì không được phổ biến sâu rộng như các tỉnh miền Trung. Ngày nay người Việt ở hải ngoại đời sống vật chất đầy đủ, nhưng chúng ta khó tìm được lại những kỷ niệm một thời đã đi qua. Tiếc rằng nghệ thuật Hát bội hay chơi Bài chòi là trò chơi truyền thống đã mai một dần, đến nay hầu như đã lãng quên

Tài liệu tham khảo:

- (1) Những câu chuyện Lịch Sử của Trần Gia Phụng Toronto 1999
- (2) Đào Đức Chương Giai phẩm Xuân Tây Sơn Mậu Dần 1998)
- (3) Bài chòi dân ca Bình Định Hoàng Chương - Nguyễn Có nhà xuất bản Sân Khấu
- (4) Tục Ngữ Ca dao dân ca Việt Nam Vũ ngọc Phan nhà bản khoa học Hà Nội
- (5) Nhà Tây Sơn Trần Gia Phụng nhà xuất bản Non Nước Toronto 2005